TUẦN 21:

Thứ Hai ngày 02 tháng 02 năm 2026

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT DƯỚI CỜ:

THAM GIA MÚA HÁT, CHƠI TRÒ CHƠI DÂN GIAN

Tiếng Việt:

ĐỌC: GIỎ HOA THÁNG NĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện "*Giỏ hoa tháng năm*". Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chưa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu.

Đọc hiểu: Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài đọc. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Tình bạn là một phần đẹp đẽ của cuộc sống, cần hiểu đúng về tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí ẩn" (Kiểm tra bài: Hộp quà màu thiên thanh). + Cách chơi: HS lần lượt chọn các hộp quà rồi đọc và trả lời câu hỏi + Hộp quà 1: Đọc đoạn 1 và trả lời câu hỏi 1 + Hộp quà 2: Đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi 2 + Hộp quà 2: Đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi 3 - GV Nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi - Học sinh thực hiện. Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.	- HS lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu ngạc nhiên, thích thú. + Đoạn 2: Tiếp theo đến với một người bạn. + Đoạn 3: Phần còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - Gọi HS nhận xét bạn đọc - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó (chú ý những từ HS hay đọc sai do phương ngữ địa phương): *Rực rỡ, gõ cửa, ba chân bốn cẳng,...* - GV hướng dẫn luyện đọc câu: *Chúng tôi thường bí mật làm những giỏ hoa rực rỡ,/ đặt lên bậc thềm nhà người quen hoặc bạn bè,/ gõ cửa,/ rồi ba chân bốn cẳng/ chạy thật nhanh.* - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc thay đổi ngữ điệu cần đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng trong câu - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS nhận xét bạn đọc - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe.
3. Luyện tập.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có) *+ Lễ Mừng xuân:* Lễ hội truyền thống ở nhiều nước châu Âu và còn lưu giữ đến ngày nay, diễn ra vào tháng năm – thời điểm muôn hoa đua nở. *+ Ba chân bốn cẳng:* (đi, chạy) hết sức nhanh, hết sức vội vã - GV yêu câu học sinh đặt 1 câu có chứa 1 trong các từ ngữ vừa giải nghĩa - GV nhận xét tuyên dương.	 - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ - HS đặt câu có chứa các từ ngữ giải nghĩa. - HS lắng nghe.
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,… - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.	 - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Câu 1: Ngày lễ nào trong năm được các bạn nhỏ mong chờ? Việc làm nào trong ngày đó khiến các bạn thấy thú vị?	+ Ngày lễ được các bạn nhỏ mong chờ là ngày lễ mừng xuân vào tháng năm. Các bạn thường bí mật làm những giỏ hoa rực rỡ, đặt lên bậc thềm nhà người quen hoặc bạn bè, gõ cửa rồi ba chân bốn cẳng chạy trốn thật nhanh, hồi hộp theo dõi chủ nhà có cảm xúc như thế nào trước món quà đó.
+ Câu 2: Bạn thân của Xu-di là ai? Vì sao Xu-di lại giận người bạn thân của mình?	+ Bạn thân của Xu-di là Pam. Xu-di giận người bạn thân của mình vì có một gia đình mới dọn đến thị trấn của hai người và Pam đã kết thân với con gái của gia đình đó, thời gian Pam dành cho Xu-di không còn nhiều như trước, Xu-di cảm thấy như bị bỏ rơi.
+ Câu 3: Việc Xu-di vẫn quyết định tặng bạn giỏ hoa với nhiều bông màu vàng mà bạn yêu thích thể hiện điều gì?.	+ Cho thấy Xu-di rất yêu quý Pam và hiểu sở thích của bạn.
+ Câu 4: Người bạn của Xu-di đón nhận giỏ hoa như thế nào? Theo em, Xu-di có cảm nghĩ gì trước cử chỉ, lời nói của bạn lúc nhận giỏ hoa?	+ Pam nâng giỏ hoa lên, dịu dàng áp mặt vào những bông hoa và nói to như để Xu-di nghe được: "Cảm ơn Xu-di, hi vọng cậu không còn giận mình!". Chắc hẳn là Xu-di rất cảm động trước cử chỉ, lời nói của Pam lúc nhận hoa.
+ Câu 5: Đoạn kết của câu chuyện muốn nói điều gì?	+ Đã là bạn bè đích thực luôn có sự gắn bó thân thiết, chân thành, luôn ở bên nhau, quan tâm đến nhau dù không ở cạnh nhau thuyền xuyên nhưng tấm lòng luôn hướng về nhau, luôn trân trọng và có vị trí nhất định trong lòng mỗi người.
- GV nhận xét, tuyên dương	
- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.	- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học
- GV nhận xét và chốt: *Tình bạn là một phần đẹp đẽ của cuộc sống, cần hiểu đúng về tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn.*	- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
+ Em chơi thân với bạn nào nhất ở trong lớp mình?	+ HS trả lời
+ Em cần làm gì để giữ gìn tình bạn luôn tốt đẹp?	+ HS trả lời
- GV nhận xét tuyên dương và kết luận: *Một tình bạn đẹp là một tình bạn dựa trên sự chân thành, thấu hiểu, và sẻ chia. Những người bạn tốt sẽ luôn ở bên cạnh ta, giúp đỡ ta trong lúc khó khăn,*	- HS lắng nghe.

và chia sẻ niềm vui với ta trong những lúc vui vẻ.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV chiếu cho HS nghe bài hát *"Bạn thân phải thế!"* https://www.youtube.com/watch?v=5_-K-umCKyY	- HS nghe và theo dõi
+ Qua bài học ngày hôm nay và bài hát em vừa nghe, em hãy nêu cảm nghĩ của mình về tình bạn? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS chia sẻ suy nghĩ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết cách nối các vế câu ghép bằng cặp kết từ và cặp từ hô ứng.
- Góp phần phát triển năng lực.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi "Trồng cây gây rừng" để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: Các vế trong câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ *(và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng...)* hoặc nối trực tiếp bằng dấu câu *(dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...)* + Câu 2: C. Còn

+ Câu 1: Các vế trong câu ghép có thể nối với nhau bằng những cách nào? + Câu 2: Tìm kết từ thích hợp thay cho chỗ trống dưới đây: Tấm chăm chỉ, hiền lành … cám thì lười biếng, độc ác. A. Và B. Hoặc C. Còn - GV nhận xét, tuyên dương + dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
Bài 1: Tìm cặp kết từ nối các vế câu trong mỗi câu ghép dưới đây: a. Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. (Tô Hoài) b. Mặc dù chúng tôi vẫn chơi với nhau nhưng thời gian Pam dành cho tôi không còn nhiều như trước. (*Theo* Minh Hương) c. Nếu hoa mua có màu tím hồng thì hoa sim tím nhạt, phơn phớt như má con gái. (Bằng Sơn) - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 6 vào phiếu học tập - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng *(a. bởi..nên; b. mặc dù…nhưng; c. nếu…thì)* và kết luận: ***Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp kết từ.***	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung theo yêu cầu. - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe

Câu ghép	Cặp kết từ nối các vế câu
a. Bởi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lăm	Bởi ... nên
b. mặc dù chúng tôi vẫn chơi với nhau nhưng thời gian Pam dành cho tôi không còn nhiều như trước.	Mặc dù ... nhưng
c. Nếu hoa mua có màu tím hồng thì hoa sim tím nhạt, phơn phớt như má con gái.	Nếu ... thì

Bài 2. Chọn cặp từ *(đâu…đó…; chưa … đã…; bao nhiêu … bấy nhiêu…)* thay cho bông hoa - GV gọi 1 học sinh đọc yêu cầu của bài". - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng *(a. chưa… đã…; b. đâu… đó…; c. bao nhiêu… bấy nhiêu…)* và kết luận: Các cặp từ (*chưa… đã…; đâu… đó…; bao nhiêu… bấy nhiêu…) cũng được dùng để nối các vế trong câu ghép. Các cặp từ này thường đi đôi với nhau, chính vì vậy người ta thường gọi chúng là cặp từ hô ứng.* - Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp từ nào? - GV kết luận và rút ra ghi nhớ (SGK trang 28) và yêu cầu 3 đến 4 HS đọc.	- 1 HS đọc - HS thảo luận nhóm đôi. *a. Ngày **chưa** tắt hẳn, trăng **đã** lên rồi.* *b. Trăng đi đến **đâu**, lũy tre được tắm đẫm màu sữa dến **đó**.* *c. Nước dâng lên cao **bao nhiêu**, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên **bấy nhiêu**.* - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp kết từ hoặc các cặp từ hô ứng. - 3 đến 4 HS đọc ghi nhớ
3. Luyện tập	
Bài 3. Tìm vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV cho HS hoạt động cá nhân làm vào vở. - Gọi HS đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương, góp ý cho HS	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS làm cá nhân vào vở. Ví dụ: a. Vào dịp lễ Mừng xuân, ***chẳng những*** trẻ em được vui đùa thỏa thích ***mà*** trẻ em còn được tặng quà. b. ***Mặc dù*** thiên nhiên khắc nghiệt ***nhưng*** con người đã tìm được cách khắc phục. c. ***Nhờ*** bố kể những câu chuyện cổ tích ***mà*** em có thêm những hiểu biết về cuộc sống. - 4 đến 5 HS đọc bài làm của mình. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Các vế trong câu ghép ở BT3 được nối với nhau bằng các cặp kết từ.

- Hỏi: Các vế trong câu ghép ở BT3 được nối với nhau bằng các cặp kết từ hay các cặp từ hô ứng? - GV nhận xét, tuyên dương **Bài 4. Đặt câu ghép theo các yêu cầu** - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 4. - Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	- Lắng nghe - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4. - HS thảo luận nhóm 4. Ví dụ: a. ***Vì*** trời mưa ***nên*** em phải nghỉ học. b. ***Nếu*** em chăm chỉ học tập ***thì*** em sẽ đạt kết quả tốt. c. Mưa ***càng*** to, gió thổi ***càng*** mạnh. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét. - HS lắng nghe.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi "Ai nhanh, ai đúng". + Câu 1: Câu ghép được nối bằng cặp kết từ là: A. Tuy trời mưa nhưng em vẫn đi học. B. Ngoài sân, các bạn nam đá cầu, các bạn nữ nhảy dây. C. Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ + Câu 2: Câu ghép được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng là: A. Chẳng những bạn Lan học giỏi mà bạn ấy còn hát rất hay. B. Trời vừa trở lạnh, mẹ đã lo áo ấm cho hai chị em tôi. C. Sóng chồm dữ dội, bọt tung trắng xóa. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy.	- HS tham gia trò chơi vận dụng. + Câu 1: A. Tuy trời mưa nhưng em vẫn đi học. + Câu 2: B. Trời vừa trở lạnh, mẹ đã lo áo ấm cho hai chị em tôi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Toán:

Bài 41: TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết và tìm được giá trị phần trăm của một số.
- Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến tìm giá trị phần trăm của một số.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi "Rung chuông vàng" để khởi động bài học. + **Câu 1**: Tỉ số % của 45 và 50 là: A. 50 % B. 70% C. 60% D. 90 % + **Câu 2:** Điền vào chỗ chấm: $\frac{2}{5}$ của 150 = … A. 30 B. 60 C. 25 D. 375 + **Câu 3:** Một hộp có 30% số bi là bi đỏ, 25% số bi là bi vàng, còn lại là bi xanh. Hỏi số bi xanh chiếm bao nhiêu phần trăm số bi cả hộp? A. 55 % B. 70% C. 45% D. 75 % + **Câu 4:** Viết số sau dưới dạng tỉ số % 0,675 = ... % A. 675 % B. 6,75% C. 67,5% D. 6750 % - GV Nhận xét, tuyên dương. - Như vậy qua trò chơi, các em đã được ôn lại kiến thức về tỉ số phần tẳm. Hôm nay, cô giáo sẽ giới thiệu với các em thêm một dạng toán liên quan đến tỉ số phần trăm đó là:**Tìm giá trị phần trăm của một số.**	Đáp án A. Muốn tìm tỉ số phần trăm của 2 số, em làm như thế nào? Đáp án B. Nêu cách làm Đáp án: C. Vì sao số bi xanh chiếm 45% tổng số bi? Đáp án C. Để viết đúng số dưới dạng tỉ số %, em cần lưu ý gì?
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Năm nay, nhà máy của chú đặt kế hoạch tái chế 300 tấn rác thải. Hết nửa năm này, chú đã hoàn thành 60 % kế hoạch rồi đấy. + Vậy trong nửa năm, các chú đã tái chế được bao nhiêu tấn rác thải ạ ?

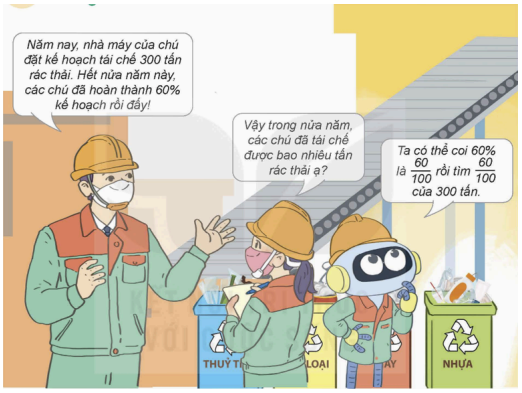

- GV yêu cầu HS đọc thầm tình huống, làm việc cá nhân, suy nghĩ cách tính. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất cách làm.	- HS làm việc cá nhân - HS thảo luận nhóm. - Các nhóm chia sẻ cách làm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Gợi ý một số cách HS làm: Cách 1: (60 x 300) : 100 = 180 (tấn) Cách 2: (60 : 100) x 300 = 180(tấn) Cách 3: (300 : 100) x 60 = 180(tấn)
- Vì sao em lấy (60 x 300) : 100 = 180 ?	- Em coi 60 % = $\frac{60}{100}$ $\frac{60}{100}$ rồi tìm $\frac{60}{100}$ $\frac{60}{100}$ của 300 tấn. Em lấy (60 x 300) : 100 = 180 (tấn). - Muốn tìm 30% của 300 em lấy 300 nhân với 60 rồi chia cho 100 hoặc lấy 300 chia cho 100 rồi nhân với 60. - 100 % - 180 tấn.
- GV chốt KQ đúng. - Vậy muốn tìm 30% của 300 em đã làm như thế nào?	- HS trả lời.
- Em hiểu 300 tấn tương ứng với bao nhiêu %? - Vậy 30% của 300 tấn là bao nhiêu tấn? - 180 tấn chính là giá trị tương ứng với 30% của 300 tấn. - Vậy muốn tìm giá trị phần trăm của một số, em làm như thế nào? => GV nhận xét, chốt quy tắc: ***Muốn tìm giá tri phần trăm của một số ta lấy số đó nhân với số phần trăm rồi chia cho 100.***	- 2-3 HS nhắc lại quy tắc
3. Thực hành, luyện tập:	
Bài 1/22 Tính: **a) Tìm 70% của 120 m^2** **b) Tìm 24,5% của 2 kg** **c) Tìm 0,8% của 15 000 000 đồng.** - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện yêu cầu bài 1 vào nháp. - Đáp án: a. (120 x70) : 100 = 84 ($m^{2)}$ b. (2 x24,5) : 100 = 0,49 (kg) c. (15 000 000 x 0,8): 100 = 120 000 (đồng) - Muốn tìm 70% của 120 m^2 em làm như thế nào? - Vì sao ở phần b em tính được 24,5% của 2kg là 0,49 kg? - Nêu cách làm phần c? => Vậy muốn tìm giá trị phần trăm của một số, em làm như thế nào? Qua bài tập 1, các em vừa được luyện tập cách tìm giá trị phần trăm của một số. Bây giờ chúng ta cùng chuyển sang bài 2.	- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện bài tập 1 - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - Em lấy 120 nhân với 70 rồi chia cho 100. - Em lấy 2 nhân với 24,5 rồi chia cho 100. - HS trả lời.
Bài 2/22: Mẹ cùng Mai và Mi vào một siêu thị bán lẻ. Đến gian hàng thiếu nhi thấy có bảng ghi: "Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 – 6, giảm giá 15% tất cả các mặt hàng.". Mẹ đã mua cho Mai một ba lô học sinh có ghi giá 250.000 đồng và mua cho Mi một con thú bông rất đẹp có ghi giá 120.000 đồng. Em hãy tính xem ba lô và con thú bông, mỗi loại được giảm giá bao nhiêu tiền? - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Bài toán cho biết gì và hỏi gì? - HS làm bài vào vở. - GV soi bài , chấm và chữa bài cho học sinh. - GV chốt bài làm đúng. **Bài giải** Mỗi chiếc ba lô giảm số tiền là: (250 000 x 15) : 100 = 37 500 (đồng) Mỗi con thú bông được giảm số tiền là: (120 000 x 15) 100 = 18 000(đồng) Đáp số: 37 500 đồng; 18 000 đồng. Đáp số: 37 500 đồng, 18 000 đồng - Nêu câu lời giải khác? - Em đã vân dụng kiến thức nào đã học để tìm được số tiền được giảm giá ở mỗi sản phẩm? - Em hãy nêu cách tìm? - Vậy theo em, sau khi giảm 15% thì giá mỗi đồ vật là bao nhiêu?	 1 a) Tìm 70% của 120 m^2. b) Tìm 24,5% của 2 kg. c) Tìm 0,8% của 15 000 000 đồng. 2 Mẹ cùng Mai và Mi vào một siêu thị bán lẻ. Đến gian hàng thiếu nhi thấy có bảng ghi: "Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 – 6, giảm giá 15% tất cả các mặt hàng.". Mẹ đã mua cho Mai một ba lô học sinh có ghi giá 250 000 đồng và mua cho Mi một con thú bông rất đẹp có ghi giá 120 000 đồng. Em hãy tính xem ba lô và con thú bông, mỗi loại được giảm giá bao nhiêu tiền? GIẢM GIÁ 15% TẤT CẢ CÁC MẶT HÀNG - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - HS trả lời. - HS chia sẻ bài làm, các bạn khác nhận xét, bổ sung. - Em vận dụng bài toán tìm giá trị phần trăm của một số. - HS nhắc lại ghi nhớ. - ba lô: 212 500; thú bông:102 000
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức trò chơi " Tôi cần".	- HS lắng nghe trò chơi.

- Cách chơi: GV chia lớp thành 4 đội, mỗi đội là 1 tổ GV nói : "Tôi cần, tôi cần", học sinh hỏi lại: " Cần gì? Cần gì?". GV sẽ đưa ra cho mỗi tổ lần lượt các câu hỏi như sau: + Câu 1: Tôi cần 20% số học sinh tổ 1. + Câu 2: Tôi cần 10 % số cặp sách của tổ 2. + Câu 3: Tôi cần 50% số quyển sách Toán lớp 5 của tổ 3. + Câu 4: Tôi cần 60 % số hộp bút của tổ 4. (lưu ý: số lượng đồ vật tương ứng với số người trong tổ. GV sẽ yêu cầu số lượng sao cho không bị lẻ) - GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- Các nhóm lắng nghe luật chơi. - HS đi lên theo số lượng yêu cầu. - Các nhóm tham gia chơi. Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

VI KHUẨN GÂY BỆNH Ở NGƯỜI VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

+ Kể được tên một đến hai bệnh ở người do vi khuẩn gây ra.
+ Nêu được nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh.
* Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS múa hát bài: "Nào mình cùng đánh răng" – Phan Đinh Tùng https://youtu.be/q6s-7WGUC Chia sẻ: Kể những việc em đã làm thường ngày để chăm sóc và bảo vệ răng. + Vì sao mỗi ngày cần chải răng sau khi ăn? + Cá nhân HS chia sẻ +GV khuyến khích nhiều HS chia sẻ.	- Cả lớp lắng nghe. -Chải răng làm sạch thức ăn bám trên bề mặt răng khiến vi khuẩn không còn thức ăn, không thể phát triển để gây hại cho răng.

- GV kết luận: GV kết luận: Ngoài các vi khuẩn có lợi ra thì xung quanh chúng ta có rất nhiều vi khuẩn có hại. Bệnh sâu răng do vi khuẩn gây ra, đây là một bệnh phổ biến, đặc biệt ở trẻ em mà các con cần có hiểu biết để phòng tránh.	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1: Dấu hiệu của bệnh sâu răng -Tổ chức theo nhóm đôi, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa. -Đọc thông tin và quan sát từ hình 1, 2 nêu những dấu hiệu của bệnh sâu răng ? 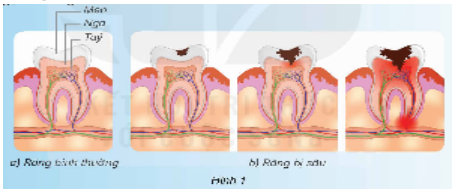  + Ngoài 2 dấu hiệu trên, em còn biết/thấy có dấu hiệu nào nữa? - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. –GV nhận xét và kết luận: Dấu hiệu của bệnh sâu răng: +Giai đoạn 1: Vi khuẩn ăn mòn men răng, hơi thở có mùi, xuất hiện những đốm trắng đục trên răng. + Giai đoạn 2 : Sâu ngà răng, trên răng xuất hiện những chấm đen hoặc lỗ nhỏ màu đen. +Giai đoạn 3: Viêm tuỷ gây sưng, đau dẫn đến lung lay răng, vỡ hoặc mất răng. **Hoạt động khám phá 2:** Nguyên nhân gây bệnh sâu răng - GV tổ chức cho HS quan sát hình 3 kết hợp với tư liệu sưu tầm để trình bày theo nhóm.	- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm: (+Hơi thở có mùi hôi, trên răng có đốm trắng đục hoặc chấm đen, lỗ hổng trên răng. +Bị đau trong răng.) HS trả lời. - HS thảo luận theo nhóm.

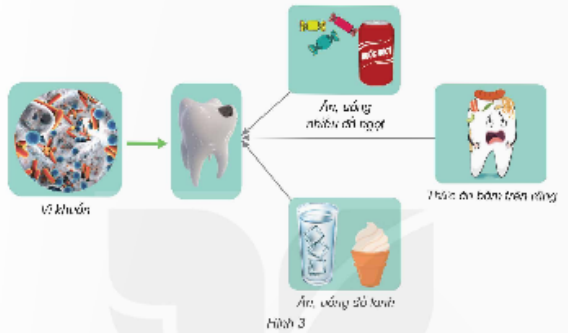

+ Nguyên nhân chính gây bệnh sâu răng là gì?

+ Những nguyên nhân nào làm tăng nguy cơ gây bệnh sâu răng?

+ Vì sao ăn nhiều đồ ngọt làm tăng nguy cơ sâu răng?
+ Ăn uống đồ lạnh gây hậu quả gì cho răng?

+ Không chải răng sau khi ăn gây ra hậu quả gì?

+ Kể thêm những nguyên nhân có thể làm tăng nguy cơ gây bệnh sâu răng.
*GV kết luận: Nguyên nhân chính gây ra bệnh sâu răng là do vi khuẩn, nhưng có rất nhiều nguyên nhân làm tăng cơ hội cho vi khuẩn phá huỷ răng của chúng ta. Vì vậy, chúng ta cần xác định những việc nên làm, không nên làm để bảo vệ răng

Hoạt động khám phá 3: Biện pháp phòng chống sâu răng
-GV tổ chức cho HS quan sát và phân tích hình 4.
-Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, hoàn thành phiếu học tập.



a) Ăn đồ ngọt vào buổi tối b) Chải răng đúng cách hằng ngày

+ Nguyên nhân chính gây sâu răng là do vi khuẩn gây ra.
+Những nguyên nhân làm tăng nguy cơ gây bệnh sâu răng gồm: Ăn nhiều đồ ngọt; Lười đánh răng, chải răng không đúng cách, ăn uống đồ lạnh, ...
+Vì đường là thức ăn của vi khuẩn.

+Gây nứt men răng, vi khuẩn xâm nhập.
+Tạo điều kiện cho vi khuẩn sinh sôi tạo thành mảng bám ăn phá huỷ men răng,...
–HS nêu thêm: Ăn đồ quá cứng gây sứt răng, dùng răng cắn xé những đồ cứng, dai,...
-HS lắng nghe.

Biện pháp phòng tránh sâu răng

Việc làm	Nên	Không nên	Lí do
a) Ăn đồ ngọt buổi tối		x	Tăng nguy cơ sâu răng
b) Chải răng đúng cách	x		Làm sạch kĩ, bảo vệ men răng
c) Khám răng định kì	x		Phát hiện sớm để kịp thời điều trị

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. GV nhận xét và kết luận: Thực hiện tốt và thường xuyên các việc nên và không nên để bảo vệ ăng miệng.	d) Sử dụng đa dạng thực phẩm | x | | Cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho răng, lợi khoẻ.
3. Hoạt động luyện tập.	
-GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Nha sĩ nhí". -HS tham gia chơi theo nhóm bàn: 2 HS cùng bàn sắm vai nha sĩ, khám răng cho bạn mình, quan sát xem bạn có những dấu hiệu của bệnh sâu răng không : Ví dụ, đốm trắng, chấm đen, lỗ hổng,... –GV đưa thêm câu hỏi cho các nhóm: + Vì sao ăn nhiều đồ ngọt làm tăng nguy cơ gây sâu răng? + Theo em việc súc miệng sau ăn có ích lợi gì? + Nêu một số việc cần làm để phòng bệnh sâu răng. –Mời các nhóm báo cáo. –GV khen ngợi, trao thưởng bàn chải, kem đánh răng. –GV góp ý, chỉnh sửa nếu cần. - Liên hệ với việc chăm sóc răng miệng tại nhà của HS. Ngoài việc đánh răng em còn cần phải làm gì để giữ miệng sạch? * GV kết luận: Việc chăm sóc răng miệng cần được thực hiện đầy đủ và thường xuyên vì hàm răng khoẻ mạnh sẽ giúp cho chúng ta có sức khoẻ tốt, có chất lượng cuộc sống cao.	-HS lắng nghe và hoàn thành nhiệm vụ: -HS tham gia chơi theo nhóm bàn -HS đưa ra các câu hỏi để hỏi bạn về việc chăm sóc răng miệng. Hết lượt HS lại đổi nhau. + Vi khuẩn gây bệnh sâu răng sử dụng đường làm thức ăn. +Giảm bớt lượng thức ăn bám trên răng nên hạn chế sự sinh trưởng của vi khuẩn. + Giữ vệ sinh răng miệng để hạn chế vi khuẩn sinh trưởng; ăn đủ dinh dưỡng; đến bác sĩ khám định kì và ngay khi có dấu hiệu bị sâu răng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức trò chơi "Hỏi nhanh đáp nhanh" Chia lớp thành các nhóm: Mỗi nhóm xây dựng một số việc nên hoặc không nên làm trong vận động đối vơi trẻ em tuổi dậy thì? - Các nhóm trình bày. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm. VD: HS1: Chải răng đúng cách HS2: Nên HS3: Ăn đồ ngọt buổi tối

GV tuyên dương những nhóm có tình huống ấn tượng. - Dặn dò về nhà.	HS4: Không nên .....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LEO. (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được bài tập rèn luyện kĩ năng leo; xử lí được một số tình huống trong tập luyện.
- Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản; thể dục thể thao;...
- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7’		
1. Nhận lớp:			Đội hình nhận lớp

- Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	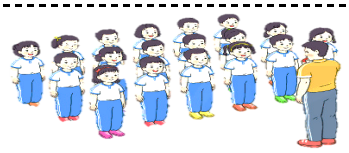 - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học
2. Khởi động:	2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động

- Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8 N		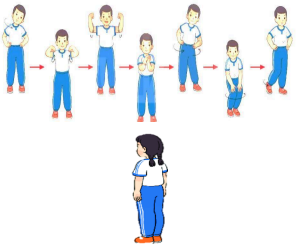 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi " Cùng nhau ta đi lên" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi 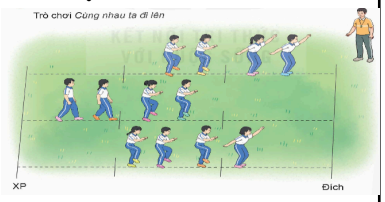 - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** a. Ôn leo từng chân lên, xuống thang chữ A b. Học bài tập: Leo đổi chân luân phiên lên thang chữ A 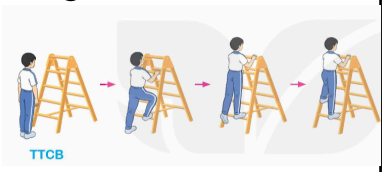 -TTCB: Đứng tự nhiên trước thang chữ A. -Cách thực hiện: Từ TTCB, hai tay bám vào bậc thang vừa tầm với của mình, đặt chân phải (trái) lên bậc thang đầu tiên. Tay phải (trái) với lên giữ chặt bậc thang tiếp theo, dùng lực duỗi		- GV hướng dẫn HS ôn luyện - GV quan sát, nhận xét, sửa sai cho HS - GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kĩ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video … nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. -GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS	- HS thực hiện ôn tập các bài tập Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác.

thẳng chân phải (trái) nâng cơ thể lên. Tiếp tục đặt chân trái (phải) lên bậc thang tiếp theo và tay trái (phải) chuyển lên trên để bám vào bậc thang cao hơn. Cứ như vậy khi hai tay chạm đỉnh thang thì giữ chặt và tiếp tục leo đổi chân luân phiên cho đến khi đỉnh thang ngang đùi, hai chân đặt cạnh nhau.		quan sát, nhận xét, rút kinh nghiệm	GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương - HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS lần lượt thực hiện 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	 - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16’		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ 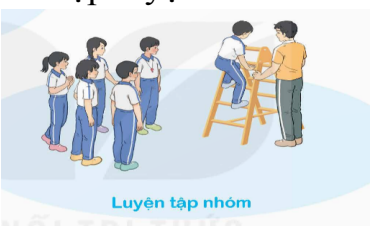 - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn

		- GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: "Đội nào nhanh hơn"	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. *Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.*	ĐH chơi trò chơi 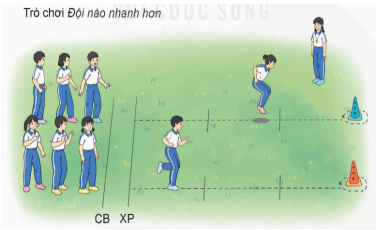 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). ***2. Vận dụng:***		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh 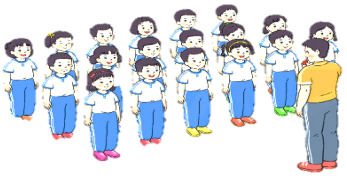 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Ba ngày 03 tháng 02 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết viết các đoạn văn trong bài văn tả người, trong đó sử dụng những từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,…để làm nổi bật đặc điểm của người được tả.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi "Bắn tên" Cách chơi: Người quản trò hô: "Bắn tên, bắn tên" và cả lớp sẽ đáp lại: "tên gì, tên gì". Sau đó, người quản trò sẽ gọi tên một bạn trong lớp và đặt câu hỏi cho bạn đó trả lời. Nếu đúng thì cả lớp sẽ vỗ tay hoan hô. + Nêu cấu tạo bài văn tả người + Khi quan sát để viết bài văn tả người cần lưu ý điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi + Bài văn tả người gồm có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. + Cần lựa chọn những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình, hoạt động,sở thích,... thể hiện nét riêng giúp phân biệt người được tả với những người khác. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
Bài 1: Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu . - GV mời HS làm việc cá nhân, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây: **** Đoạn văn a:*** + Người được tả trong đoạn văn là ai?	 - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: + Người được tả trong đoạn văn là ông nội của Nhụ.

+ Những từ ngữ nào làm nổi bật đặc điểm ngoại hình hoặc hoạt động của ông nội Nhụ?	+ Ngoại hình: Vóc người vẫn gọn và chắc, dáng đi dứt khoát như một ngọn sóng, nước da nâu sẫm; Hoạt động: Ông thường dùng tiếng "hầy" để kết thúc một câu nói, ông thường ra hiệu bằng mắt và bằng tay cả khi trên biển và khi ở nhà.
+ Chi tiết nào gây ấn tượng với em? Vì sao?	+ HS trả lời theo cảm nhận riêng.
Đoạn văn b:	
+ Người được tả trong đoạn văn là ai?	+ Người được tả trong đoạn văn là bà ngoại của bạn nhỏ.
+ Những từ ngữ nào làm nổi bật đặc điểm ngoại hình hoặc hoạt động của bà ngoại bạn nhỏ?	+ Đoạn văn tập trung miêu tả tình cảm, cảm xúc, cử chỉ, việc làm của bà khi con cháu về thăm.
+ Chi tiết nào gây ấn tượng với em? Vì sao?	+ HS trả lời theo cảm nhận riêng.
Đoạn văn c:	
+ Người được tả trong đoạn văn là ai?	+ Người được tả trong đoạn văn là chị Hà, một thành viên trong đoàn thanh niên của huyện về giúp đỡ dân làng chống úng.
+ Những từ ngữ nào làm nổi bật đặc điểm ngoại hình hoặc hoạt động của chị Hà?	+ Ngoại hình: trông chị xinh tươi, nước da trắng, môi hồng, tóc mai dài vắt cong lên như một dấu hỏi lộn ngược, có vài nốt tàn nhang trên má; hoạt động: chị cười nói nhiều, mỗi khi cười nốt tàn nhang lặn đi trên gò má đỏ ửng; tính tình: chắc tính chị vốn sôi nổi, cũng có thể hào hứng với chuyên đi giúp bà con nên chị vui như thế.
+ Chi tiết nào gây ấn tượng với em? Vì sao?	+ HS trả lời theo cảm nhận riêng.
- GV mời HS trả lời câu hỏi của các ý a; b; c.	- Một số HS trình bày trước lớp.
- Mời HS nhận xét.	- HS nhận xét.
GV nhận xét chung và chốt câu trả lời.	- HS lắng nghe.
Bài 2. Viết đoạn văn tả một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.	
- Gọi HS đọc yêu cầu	- 1 HS đọc
- GV mời cả lớp làm việc và viết bài vào vở. (lưu ý học sinh khi viết nên sử dụng những từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,…để làm nổi bật đặc điểm của người được tả)	- Lớp làm việc, viết bài vào vở.
- Mời HS đọc bài viết .	- HS đọc bài viết của mình.

- GV mời HS nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. Nêu những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tả người.	Ví dụ: *Một tháng trước gia đình em đã đón chào một thành viên mới, đó là bé Bảo Anh. Mới sinh ra Bảo Anh nhỏ xíu, chân tay ngắn ngủi tròn tròn nhìn vô cùng đáng yêu. Bé có nước da hồng hào giống mẹ, đôi mắt to tròn đen lúng liếng, chiếc miệng nhỏ hồng hồng lúc nào cũng chu lên. Bảo Anh là một em bé rất hiếu động, tay nhỏ chân nhỏ lúc nào cũng ngọ nguậy, đôi mắt xinh xắn luôn nhìn chăm chú vào người đối diện như muốn trò chuyện. Mỗi khi đói bé sẽ khóc thật to để thu hút sự chú ý của mẹ, đến khi no bụng lại thỏa mãn cười toe rồi chìm vào giấc ngủ. Từ khi có thêm thành viên mới, gia đình em ai nấy đều cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc. Em sẽ cùng với bố mẹ yêu thương, chăm sóc thật tốt cho Bảo Anh.* - HS nhận xét - Lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi "Ai là người sáng tạo". + GV đưa ra một đoạn văn tả người. Yêu cầu các nhóm đọc và tìm ra những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, sở thích; các biện pháp sử dụng trong đoạn văn đó. + Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS) + Mời các nhóm trình bày. - GV nhận xét tiết dạy.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, sẽ là nhóm chiến thắng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 41: TÌM GIÁ TRỊ PHẦN TRĂM CỦA MỘT SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố cách tìm giá trị phần trăm của một số; vận dụng giải các bài toán thực tế

liên quan.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + **Câu 1**: 20% của 500 là bao nhiêu? + **Câu 2**: Một chiếc áo giảm giá 15%, giá mới của chiếc áo là bao nhiêu nếu giá gốc là 100.000 đồng? + **Câu 3**:Tìm một số số biết 75% của nó là 30. **Câu 4**: Trong 80 học sinh, có 35 học sinh giỏi. Tỉ lệ phần trăm học sinh giỏi là bao nhiêu? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 20 x 500 : 100 = 100 + Trả lời: 15 x 100 000 : 100 – 100000 = 85 000 (đồng) + Trả lời: 75 x 30 : 100 = 22,5 + Trả lời: 35 : 80 x 100 = 43,75 % - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1/ 22: Tỉ lệ đạm trong thịt bò là 18% (18 g/100 g), thịt lợn nạc là 19% (19 g/100 g),cá chép là 17% (17 g/100 g) (theo https://suckhoedoisong.vn). **Em hãy tính số gam đạm trong 250 g thịt bò, 200 g cá chép, 300 g thịt lợn nạc?** - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: - Gv kiểm tra bảng của học sinh. Mời 1 Hs lên chia sẻ bài làm. - GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai). - Ai có câu lời giải khác?	- HS đọc yêu cầu bài 1. - Suy nghĩ và thực hiện phép tính vào bảng con.(không viết câu lời giải) Bài giải Số gam đạm trong 250 g thịt bò là: (250 x 18) : 100 = 45 (g) Số gam đạm trong 200 g cá chép là: (200 x 17) : 100 = 34 (g) Số gam đạm trong 300 g thịt lợn nạc là: (300 x 19) : 100 = 57 (g) *Đáp số:* Thịt bò: 45 g; cá chép: 34 g; thịt lợn nạc: 57 g. - Ví dụ : 250g thịt bò có số gam đạm là:

- Em đã vận dụng kiến thức nào đã học để tìm được số gam đạm của mỗi loại thực phẩm trên? - Em hãy nêu cách tìm?	- Em vận dụng bài toán tìm giá trị phần trăm của một số. - HS nhắc lại ghi nhớ.
Bài 2/22 Một đội đồng diễn thể dục gồm 300 người, trong đó có 40% mặc áo đỏ, 25% mặc áo vàng, số còn lại mặc áo xanh. Hỏi trong đội đồng diễn đó có bao nhiêu người mặc áo xanh ? - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - Bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân(2 phút) - Thảo luận nhóm 4 thống nhất cách làm bài 2. - GV nhận xét bài giải đúng. Có thể nêu thêm cách 2 hoặc học sinh tự nêu. **Cách 2:** Bài giải Nếu coi 300 người chiếm 100% thì số phần trăm người mặc áo xanh là: 100 – (40 + 25) = 35 (%) Số người mặc áo xanh là: (300 x 35) : 100 = 105 (người) *Đáp số:* 105 người. => Ở bài 2, các em vẫn tiếp tục vận dụng kiến thức của bài toán tìm giá trị phần trăm của một số. Bài này có 2 cách, em hãy lựa chọn cách làm nhanh và đúng.	- HS đọc yêu cầu bài. - HS nêu. - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và làm bài vào nháp. - HS thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm chia sẻ: - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). **Cách 1:** Bài giải Số người mặc áo đỏ là: (300 x 40) : 100 = 120 (người) Số người mặc áo vàng là: (300 x 25) : 100 = 75 (người) Số người mặc áo xanh là: 300 - 120 - 75 = 105 (người) *Đáp số:* 105 người.
Bài 3/ 22: Lãi suất tiết kiệm ở một ngân hàng là 7,4% một năm. Một người gửi tiết kiệm 35 000 000 đồng. Hỏi sau một năm: **a) Số tiền lãi là bao nhiêu?** **b) Tổng số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?** - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - Bài có mấy yêu cầu? - GV yêu cầu HS làm vở. - GV soi bài, nhận xét bài giải đúng.	- HS đọc yêu cầu bài. - HS nêu. - Học sinh làm vở. - Học sinh chia sẻ bài làm của mình: - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). Bài giải a) Sau một năm, số tiền lãi là:

	(35 000 000 x 7,4) : 100 = 2 590 000 (đồng) b) Tổng số tiền gửi và tiền lãi là: 35 000 000 + 2 590 000 = 37 590 000 (đồng) Đáp số: a) 2 590 000 đồng; b) 37 590 000 đồng.
- Ai có câu trả lời khác? - Để tính số tiền lãi, em đã làm như thế nào? - Đây là một bài toán rất thực tế trong đời sống.	- Số tiền lãi sau 1 năm là: - Em đã tính giá trị phần trăm số lãi của 1 năm là 7,4 % tương ứng với tổng số tiền gửi là 35 000 000.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 4/ 22:Theo kế hoạch, một tổ sản xuất dệt may phải may được 850 bộ quần áo đồng phục cho năm học mới. Sau một thời gian, người ta thấy số bộ quần áo may được bằng 70% số bộ quần áo chưa may. Hỏi lúc đó, tổ sản xuất đã may được bao nhiêu bộ quần áo đồng phục? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu cá nhân. - Thảo luận nhóm 6: nêu cách làm bài. - GV nhận xét, tuyên dương, chốt cách làm đúng. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. - Để làm được bài này em cần vận dụng những kiến thức nào đã học ? - Nêu lại cách làm dạng toán tổng – tỉ?	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS thảo luận, ghi kết quả vào bảng nhóm. - Đại diện các nhóm lên dính bảng nhóm lên bảng lớp. - HS nhận xét, bổ sung. *Bài giải* $70\% = \frac{70}{100}\ \frac{70}{100} = \frac{7}{10}\ \frac{7}{10}$ Coi số bộ quần áo chưa may là 10 phần thì số bộ quần áo đã may là 7 phần. Ta có: Số bộ quần áo đã may là: 850 : (7 + 10) x 7 = 350 (bộ) *Đáp số:* 350 bộ quần áo. - Tìm 2 số khi biết tổng và tỉ. - Để giải bài _toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số 2 số ta có thể là theo các bước sau : + **Bước 1 :** Vẽ sơ đồ dữ kiện bài ra. + ***Bước 2 :*** Tìm tổng số phần bằng nhau.

- Đánh giá tổng kết tiết học. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	+ ***Bước 3 :*** Tìm số bé và số lớn (có thể tìm số lớn trước hoặc sau và ngược lại) **+ Số lớn** = (Tổng hai số : tổng số phần bằng nhau) x số phần của số lớn **+ Số bé** = (Tổng hai số : tổng số phần bằng nhau) x số phần của số bé **+ Bước 4** : Kết luận đáp số của bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

NHẬN DIỆN MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Rèn luyện được một số đức tính để thích ứng với môi trường học tập mới.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống - điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động
- Rèn luyện và phát triển kĩ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

* Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU.

- GV chuẩn bị:
+ Một số tư liệu về Trường THCS
+ Giấy màu hoặc bài, bút màu, kéo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động.	
-GV mời HS suy nghĩ và cùng nhau sáng tạo bài thể dục riêng của lớp gồm có 4 động tác, mỗi động tác tập 2 lần 8 nhịp. +Bài thể dục gồm những động tác nào? +Em kể tên các động tác? +Có thể chọn các bài nhạc cho phù hợp? "Vươn cao phù đổng" https://youtu.be/zceL4LXiQqE?si=TzPH3xXEvuh_z9e -Các nhóm thể hiện.	HS hoạt động theo nhóm. +Vươn thở, tay, chân, điều hoà "Vươn cao phù đổng"

-GV nhận xét và kết luận: Việc rèn luyện thể chất thường xuyên sẽ giúp cơ thể dẻo dai và việc học tập cũng trở nên tập trung và tốt hơn.	
2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.	
Hoạt động 1: Chia sẻ suy nghĩ của em về các môi trường học tập. Tổ chức thảo luận nhóm theo gợi ý sau: HS kể về: - Những môi trường học tập mà mình từng trải qua hoặc được biết (Học trên lớp, học câu lạc bộ/nhóm sở thích, học trực tuyến, học với trang thiết bị máy móc,.. - Sự khác biệt của từng môi trường học tập: về người dạy học, về môn học, không gian, các phương tiện học tập, phương pháp trong học tập,... (GV có thể mời HS lên bảng để viết, vẽ theo hình thức thi đua tổ/nhóm.) - Đại diện nhóm trình bày - Lớp nhận xét, góp ý. - GV trò chuyện, gợi mở để HS chia sẻ về môi trường học tập mình mơ ước trong tương lai. (Cơ sở vật chất, môn học mới, thời gian học,...) **Kết luận:** Mỗi một môi trường học tập đều có những điểm đặc biệt riêng, đòi hỏi người học chủ động, tích cực tìm hiểu để đạt được hiệu quả trong học tập.	-HS thảo luận: + Trường Mầm non … Trung tâm Tiếng Anh, Câu lạc bộ cầu lông, … + HS kể theo thực tế… - HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập	
Hoạt động 2: Thảo luận về môi trường học tập mới - GV mời HS làm việc theo nhóm để lựa chọn, thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy giới thiệu về một môi trường học tập mới theo suy nghĩ và phỏng đoán của mình. - Sơ đồ tư duy gồm các nhánh: Không gian học tập; Môn học; Phương tiện học tập; Cách thức học tập; Thách thức đối với người học. - GV mời lần lượt từng nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng	- HS lắng nghe, quan sát và cùng trao đổi, chia sẻ về những nội dung liên quan. - Các nhóm thảo luận, phân công nhiệm vụ.

nghe và chia sẻ thêm. - GV, lớp nhận xét và kết luận: Khi chúng ta biết tìm hiểu thông tin vê' các môi trường học tập, mỗi HS sẽ có kế hoạch để rèn luyện và nhanh chóng thích ứng với môi trường học tập mới.	 HS lắng nghe.
3. Hoạt động mở rộng và tổng kết.	
* HS làm việc cá nhân. Trao đổi cùng người thân để có thêm thông tin về những môi trường học tập mới theo gợi ý sau: +Sau khi học xong Tiểu học em sẽ chon trường nào để tiếp tục con dường học tập? + Ngôi trường đó có gì khác với trường Tiểu học hiện tại +Số môn học, cách học, các hoạt động đi kèm có gì mới? + … - Các HS chia sẻ. -GV nhận xét. - GV biểu dương thách tích của các em	- HS trao đổi với người thân để có thêm thông tin giúp HS dễ thích ứng khi đến ngôi trường mới.
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV đề nghị HS về suy nghĩ, thảo luận chia sẻ với bạn bè, người thân về những về những môi trường học tập mới - Nhận xét, dặn dò.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

Bài 6: LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được các loại kế hoạch cá nhân.
- Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

* Phát triển năng lực số:

- 6.5.CB2.b. Biết chia một vấn đề lớn thành vấn đề nhỏ hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS vận động theo bài: "Em muốn làm" + GV hỏi: Các bạn nhỏ trong bài hát ước muốn được làm những gì? + GV gọi HS trả lời.	- Cả lớp vận động theo nhạc. + HS 1: Bạn nhỏ muốn làm bác sĩ để chữa bệnh cho mọi người. + HS 2: Bạn nhỏ ước muốn làm đầu bếp để nấu những món ăn ngon. + HS 3: Bạn nhỏ ước muốn làm ca sĩ để hát những bài vui tươi. ....
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Trong cuộc sống hay trong học tập của mỗi con người, ai cũng có những dự định, ước mơ, đó là mục tiêu để chúng ta có thêm động lực cố gắng và phấn đấu. Để đạt được những mục tiêu ấy chúng ta cần phải đặt ra các công việc mà bản thân phải tiến hành và các mốc thời gian để thực hiện các công việc đó. Đó chính là quá trình lập kế hoạch cá nhân. Vậy có những loại kế hoạch cá nhân nào? Ý nghĩa của việc lập kế hoạch cá nhân là gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu các loại kế hoạch cá nhân. - GV gọi HS đọc các tình huống trong sách.  	- Gọi HS đọc to trước lớp, các HS còn lại theo dõi trong sách.



b Quang mong muốn sẽ đạt giải cao trong cuộc thi cờ vua cấp trường. Để đạt được mục tiêu, Quang lên kế hoạch luyện tập chơi cờ vua trong vòng một tháng. Bạn sẽ dành một tiếng mỗi tối chơi cờ cùng bố và tham gia Câu lạc bộ cờ vua ở nhà văn hoá thôn vào cuối tuần.

- GV cho HS thảo luận nhóm 4 và hoàn thành bảng sau:

c Hà rất ngưỡng mộ chị gái vì mới học lớp 8 mà chị đã giao tiếp bằng tiếng Anh với người nước ngoài thành thạo. Bạn đặt mục tiêu khi lên lớp 8 sẽ giỏi tiếng Anh giống chị. Hà lên kế hoạch mỗi buổi tối sẽ dành 30 phút để trò chuyện với chị bằng tiếng Anh. Hà còn xin mẹ mua sách, truyện tiếng Anh để luyện đọc thêm.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

Trường hợp	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện
1. (Bạn Nam)	Hoàn thành việc ôn bài để sang nhà Tuấn xem bóng đá	Trong ngày	Ôn bài ngay sau khi tan học
2.			
3.			

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV hỏi: Dựa vào bài tập chúng ta vừa làm, căn cứ vào thời gian thực hiện sẽ có những loại kế hoạch cá nhân nào?
- GV nhận xét câu trả lời, chốt nội dung.
+ Kế hoạch thực hiện trong ngày, vài ngày hoặc vài tuần gọi là kế hoạch ngắn hạn.
+ Kế hoạch thực hiện một hoặc vài tháng gọi là kế hoạch trung hạn.
+ Kế hoạch thực hiện trong một hoặc vài năm gọi là kế hoạch dài hạn.
- GV gọi HS kể thêm các loại kế hoạch cá nhân khác.

- GV gọi HS nhận xét, tuyên dương HS.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao phải lập kế hoạch cá nhân.

- Gọi HS đọc câu chuyện "Một ngày làm việc của Bác", cả lớp theo dõi trong sách.

- HS thảo luận nhóm 4 và hoàn thành bài tập.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- HS lắng nghe.
- HS trả lời: kế hoạch cá nhân làm trong ngày; kế hoạch làm trong 1 tháng; kế hoạch làm trong nhiều năm.
- HS lắng nghe.

- HS trả lời: kế hoạch rèn luyện sức khỏe; kế hoạch học tập môn toán;….
- HS thực hiện.

- Cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe và trả lời.
+ Bác có thói quen làm việc có kế hoạch và rất đúng giờ.

- GV đặt câu hỏi: + Qua câu chuyện, em thấy Bác Hồ có thói quen làm việc như thế nào? + Thể hiện qua câu văn nào trong câu chuyện? + Khi Bác thực hiện công việc theo kế hoạch thì kết quả như thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương. - Vậy em học tập được điều gì từ Bác? - GV nhận xét, chốt nội dung.	+ Hằng ngày, Bác dậy từ 5 giờ. 5 giờ 15 tập thể dục, 6 giờ ăn sáng, sau đó Bác bắt đầu làm việc. Bác thực hành nghiêm túc, không thay đổi giờ giấc kể cả mùa đông. + Những việc mà Bác đề ra trong kế hoạch đều được giải quyết hết. - HS lắng nghe. - Nhiều HS trả lời. + Học từ Bác thói quen biết lập kế hoạch cá nhân. + Học được cách kiên trì thực hiện những việc đã đề ra. - HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập. * Phát triển năng lực số: Sử dụng biểu bảng, lập kế hoạch cá nhân cho bản thân.	
GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 2. - GV cho HS chia nhóm. - GV gọi HS đọc tình huống trong sách. Trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, Hiên thường không làm việc theo kế hoạch định trước mà để mọi việc đến đâu thì giải quyết đến đó. Hiên cảm thấy khá tự do và thoải mái khi làm theo cách này. Tuy nhiên, vào những lúc có nhiều việc ở lớp và ở nhà, Hiên hay bỏ quên, bỏ sót công việc hoặc không đủ thời gian để hoàn thành những việc cần làm. Vấn đề này cứ lặp đi lặp lại khiến bạn không ít lần gặp rắc rối và bị bố mẹ, thầy cô chê trách.  - GV nêu một số câu hỏi cho HS thảo luận và trả lời: + Bạn Hiên có thói quen làm việc như thế nào? + Thói quen đó đã khiến Hiên gặp phải vấn đề gì? + Vậy vì sao chúng ta phải lập kế hoạch cá nhân? - GV gọi đại diện các nhóm trình bày. + Bạn Hiên có thói quen làm việc như thế nào?	- HS thực hện theo yêu cầu của GV. - HS đọc. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện các nhóm trình bày. + Hiên có thói quen làm việc không theo kế hoạch định trước mà để mọi việc đến đâu thì giải quyết đến đó. + Lúc có nhiều việc ở lớp hay ở nhà, Hiên hay bỏ quên, bỏ sót công

+ Thói quen đó đã khiến Hiên gặp phải vấn đề gì? + Vậy vì sao chúng ta phải lập kế hoạch cá nhân? - GV gọi nhóm khác nhận xét, GV chốt. => Yêu cầu HS Sử dụng biểu bảng, lập kế hoạch cá nhân cho bản thân.	việc, không đủ thời gian để hoàn thành các việc cần làm. + Phải lập kế hoạch cá nhân vì: giúp chúng ta chủ động khi thực hiện công việc; mang lại kết quả cao trong công việc; rèn luyện được đức tính chăm chỉ, kiên trì, có trách nhiệm vớ công việc của mình. - HS lắng nghe. - HS thực hiện
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV cho HS chơi trò chơi "Ai nhanh hơn". + GV phổ biến luật chơi: GV nêu câu hỏi - HS giơ tay để trả lời + GV chuẩn bị một số câu hỏi liên quan đến bài học: 1. Kế hoạch cá nhân là gì? (Có đáp án lựa chọn) 2. Dựa vào thời gian thực hiện, có các loại kế hoạch cá nhân nào? - GV cho HS chơi. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

Bài 15: CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết và kể lại được diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, hình ảnh và câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ -cát -tơ-ri_. Sưu tầm được truyện ,hình ảnh về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Trần Can.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bài giảng, SGK và các thiết bị, học liệu lược đồ ,tranh ảnh về chiến dịch Điện Biên Phủ và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
-HS: SGK, vở, sưu tầm tìm hiểu tranh ảnh, truyện về chiến dịch Điện Biên Phủ

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV đọc câu thơ "Chín năm làm một Điện Biên /nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng" và yêu cầu HS quan sát bức tranh sưu tầm được, nói đến sự kiện lịch sử nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về sự kiện đó? + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm đôi hỏi đáp trao đổi về điều mình biết . - GV mời một số nhóm trình bày, lớp theo dõi nhận xét bổ sung - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu đã nói lên tình đoàn kết dân tộc anh hùng không tiếc hy sinh sương máu để bảo vệ và xây dựng đất nước như Bế Văn Đàn lấp lỗ châu mai,Bế Văn Đàn lấy vai làm giá súng, Tô Vĩnh Diện dùng thân chèn pháo… trong kháng chiến chống Pháp của dân ta. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Chiến dịch Điện Biên Phủ- Tiết 1".	- Cả lớp quan sát tranh. - HS1: Nói về sự kiện lịch sử Chiến dịch Điện Biên Phủ - HS2: Nêu tên các anh hùng Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh diện,Trân Can, đoàn người thồ lương thực ,kéo pháo lên Điện Biên, Đào hầm... - HS lắng nghe ghi đầu bài.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1: Tìm hiểu diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 - GV cho Hs theo dõi video bộ đội ta kéo pháo vào trận địa https://youtu.be/prX8XY4Xk_I và yêu cầu HS quan sát đọc thông tin ở hình 2: Từ đồ diễn biến chính của chiến dịch điện biên phủ. Kết hợp khai thác được đồ hình một để thực hiện yêu cầu sau: +/ Nêu diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ. +/Kể lại một câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ. http://baoquankhu4.com.vn/chinh-tri/nhung-tam-guong-anh-hung-trong-chien-thang-dien-bien-phu.html	- HS theo dõi,quan sát tranh, thảo luận . - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. */**Đợt 1** (13-17.3), ta đập tan thế trận phòng ngự vòng ngoài của địch ở phía bắc và Đông Bắc, mở đầu bằng trận Him Lam (13.3.1954), tiếp đó tiêu diệt cụm cứ điểm đồi Độc Lập (xem trận đồi Độc Lập, 15.3.1954), bao vây, bức hàng cụm cứ điểm Bản Kéo (16.3.1954), đánh bại nhiều đợt phản kích của địch. **Đợt 2** (30.3-30.4), sau hơn 10 ngày xây dựng trận địa tiến công và bao vây với hàng trăm kilômét hào giao thông, hàng ngàn công sự và ụ súng các loại, ta tiến công diệt các cứ điểm E, D1, D2, C1

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV bổ sung:

Tô Vĩnh Diện Khẩu đội trưởng Khẩu đội pháo cao xạ, có nhiệm vụ phải kéo pháo ra trận địa nhằm thực hiện phương châm "chắc thắng" cho chiến dịch. Điều khiển khẩu pháo xuống điều khiển khẩu pháo xuống dốc với độ dốc 60 -70 độ). Dây tời để ghim pháo lại được làm bằng dây rừng bện lại nên đẹp, dễ bị đứt. Trên không, máy bay của địch liên tiếp trút bom đạn xuống khi dây tời ghim pháo bị trúng đạn của địch đứt pháo lao nhanh xuống dốc có nguy cơ rơi xuống vực sâu. Tô vĩnh diện đã dũng cảm lao xuống lấy thân mình, chèn vào bánh xe pháo. Nhờ vậy, pháo lao nghiêng dựa vào sườn núi mà không bị rơi xuống vực. Tuy nhiên, tô vĩnh diện đã anh dũng hy sinh.

****/Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên địch, bắn rơi 62 máy bay thu 64 ô tô và toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng của địch. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thắng lợi hoàn toàn kết thúc cuộc kháng chiến chống pháp 1945-1954.***

Để giành được chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 cả dân tộc đã phải hy sinh, mất mát rất to lớn. Những câu chuyện trong bài học mới chỉ giới thiệu một số tấm gương tiêu biểu. Ngoài ra, còn rất nhiều câu chuyện tấm gương anh hùng khác góp phần làm nên chiến thắng các em có thể về nhà tìm hiểu thêm.

trên dãy đồi phía đông và 106, 311 trên hướng Tây-Bắc sân bay Mường Thanh, nhưng đánh cứ điểm A1 (xem trận đồi A1, 30.3-7.5.1954) và các cứ điểm C2, 105 không thành công, bị địch phản kích chiếm lại nửa đồi C1.

Từ 16.4 ta phát triển trận địa bao vây, tiến công, đánh lấn diệt các cứ điểm 105 (ngày 18.4), 206 (xem trận cứ điểm 206, 17-23.4.1954), đào hào cắt đôi sân bay Mường Thanh, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch nhằm giành lại sân bay (xem trận sân bay Mường Thanh, 21-23.4.1954), kết hợp bắn tỉa và đưa pháo phòng không xuống cánh đồng Mường Thanh khống chế rồi triệt hẳn tiếp tế đường không của địch.

Đợt 3 (1-7.5), ta lần lượt đánh chiếm các điểm cao còn lại ở phía đông (C1, C2 và A1), diệt một số cứ điểm ở phía Tây, tăng cường vây ép phân khu Hồng Cúm, bao vây uy hiếp SCH trung tâm, dập tắt hy vọng rút chạy của địch; 15 giờ 7.5 tổng công kích vào trung tâm Mường Thanh, bắt tướng Đờ Catxtơri (De Castrie) và toàn bộ ban tham mưu tập đoàn cứ điểm, buộc số địch còn lại ở phân khu trung tâm phải đầu hàng, truy kích và bắt gọn bộ phận địch ở Hồng Cúm địch rút chạy.

*/Bế Văn Đàn sinh năm 1931, là người dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Đồng chí sinh ra trong một gia đình nghèo có truyền thống cách mạng, cha làm thợ mỏ, mẹ mất sớm, chú hoạt động cách mạng bị giặc Pháp bắt và giết hại, anh phải đi ở cho địa chủ từ nhỏ. Sau 5 năm đi ở, anh trốn về ở với dì và tham gia du kích. Bế Văn Đàn được truy tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất, được bình bầu là Chiến sĩ thi đua số 1 của tiểu đoàn. Với thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 31-8-1955, Bế Văn Đàn được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực

<table>
<tr><td></td><td>lượng vũ trang nhân dân và Huân chương Quân công hạng Nhì….</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. Hoạt động luyện tập.</td></tr>
<tr><td>Hoạt động thi kể chuyện: “Huyền thoại Điện Biên”
- GV tổ chức cho học sinh :
+/Thi kể chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.(kéo phảo, dân công tải đạn lương thực….
+/Nêu hay viết đoạn văn ngắn về cảm nghĩ của em về chiến dịch Điện Biên Phủ.
- GV cho học sinh thực hiện theo nhóm .
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm theo tiêu chí sau.
<table>
<tr><td>Tiêu đề</td><td>Mức độ 1</td><td>Mức độ 3</td><td>Mức độ 3</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bố cục</td><td>Trình bày mạch lạc,logic</td><td>Còn nhầm lẫn nội dung</td><td>Không rõ bố cục .</td></tr>
<tr><td>2</td><td>1 điểm</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Giọng nói,biểu cảm</td><td>To rõ, nhấn giọng đúng ,thể hiện cảm xúc qua cử chỉ nét mặt</td><td>Không đạtđủ các tiêu chí 1</td><td>Không đạt tiêu chí nào</td></tr>
<tr><td>3 đ</td><td>2 đ</td><td>1 đ</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nội dung</td><td>Đầy đủ , sắp xếp theo logic</td><td>Còn thiếu 1 số nội dung, sắp xếp logic</td><td>Thiếu nội dung, sắp xếp lộn xộn</td></tr>
<tr><td>3đ</td><td>2đ</td><td>1đ</td></tr>
</table></td><td>- HS lắng nghe yêu cầu.
- HS tham gia thi kể chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Hs đọc đoạn văn hoặc nêu cảm nghĩ của mình về chiến dịch Điện Biên Phủ

- HS lắng nghe, dánh giá và rút kinh nghiệm.</td></tr>
<tr><td colspan="2">4. Vận dụng trải nghiệm.</td></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các câu chuyện, bài thơ bài hát về các anh hùng trong chiến dịch ĐBP, giới thiệu di tích lịch sử hay hình ảnh liên quan đến chiến dịch ĐBP đã thực hiện ở nhà đến chia sẻ trước lớp
- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.</td><td>- Học sinh tham gia chia sẻ về việc chuẩn bị của mình trước lớp.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</td></tr>
</table>

- Dặn dò về nhà chuẩn bị tiếp tục để tiết 2 kể về các anh hùng dân tộc trong chiến dịch ĐBP	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Tư ngày 04 tháng 02 năm 2026

Toán:

Bài 42: MÁY TÍNH CẦM TAY (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết và sử dụng được máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính nhân, chia, cộng, trừ với số tự nhiên.
- Sử dụng được máy tính cầm tay để tính giá trị phần trăm của một số, tính được tỉ số phần trăm của hai số.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

* Phát triển năng lực số: 1.1.CB2a: Nhận biết và sử dụng các thiết bị kĩ thuật số cơ bản phục vụ học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán. Máy tính cầm tay

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi: " Xì điện" để khởi động bài học. GV sẽ đưa ra các phép tính từ dễ đến khó để học sinh có thể tính nhẩm. + **Câu 1**: 15 x 10 = ? + **Câu 2:** 300 : 5 = ? + **Câu 3:** 11 x 12 = ? + **Câu 4:** 156 x 24 = ? - Vì sao ở 3 phép tính đầu tiên em tính nhanh ra kết quả ? - Với phép tính ở câu 4 em phải tính như thế nào? - Trong thực tế còn có nhiều phép tính phức tạp hơn, nhiều chữ số hơn làm cho chúng ta mất nhiều thời gian. Vậy để giúp việc tính	- Trả lời: 150 - Trả lời: 60 - Trả lời: 132 - Trả lời: không tính nhẩm được vì phép tính phức tạp. - Em có thể tính nhẩm theo các cách đã được học. - Em đặt tính rồi tính.

toán của con người nhanh chóng, thuận tiện hơn, người ta đã phát minh ra chiếc máy tính cầm tay. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cấu tạo và cách sử dụng của nó.	
2. Khám phá: * Phát triển năng lực số: Mô tả các chức năng của các nút trên máy tính.	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  - Trong tình huống trên, mẹ đang làm gì? - Thế còn bà, thường dùng đồ vật gì để tính ? - Vì sao lại gọi là MTCT ? - GV cho HS quan sát hình ảnh về những chiếc MTCT.       - MTCT có nhiều loại , màu sắc khác nhau, MTCT còn được tích hợp trên một số thiết bị di động như điện thoại, laptop, đồng hồ điện tử…  - Gv yêu cầu HS quan sát tranh và nêu: + Cấu tạo của chiếc MTCT.	- HS quan sát tranh và nêu tình huống: - Mẹ đang tính tiền chi tiêu hàng tháng của gia đình bằng máy tính. - Máy tính cầm tay. - Vì nó nhỏ gọn.

+ Cách sử dụng. + Mô tả các chức năng của các nút trên máy tính. - Thảo luận nhóm 2 nêu nội dung theo yêu cầu. 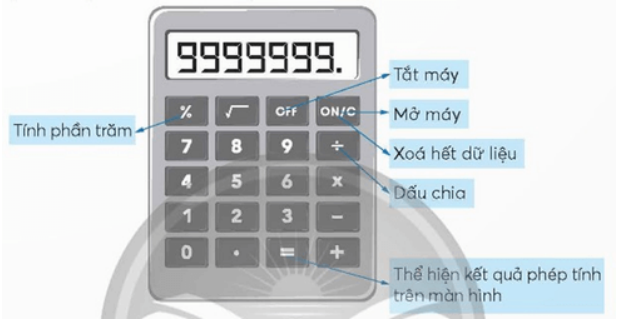 - Gv nhận xét phần thảo luận và cách sử dụng MTCT. Tuyên dương. - GV cho nhiều HS được thực hành sử dụng MTCT.	- HS thảo luận nhóm - Đại diện nhóm chia sẻ: + Cấu tạo gồm : các nút bấm và màn hình máy tính. HS nêu tên các nút bấm và tác dụng của chúng như bức tranh trong SGK. + Cách sử dụng: Học sinh thực hành. 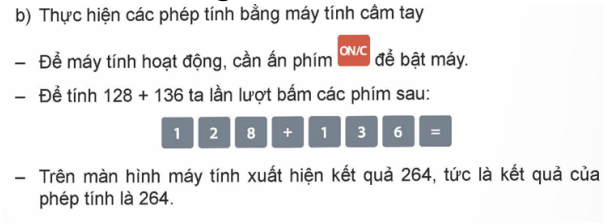 b) Thực hiện các phép tính bằng máy tính cầm tay – Để máy tính hoạt động, cần ấn phím ON/C để bật máy. – Để tính 128 + 136 ta lần lượt bấm các phím sau: 1 2 8 + 1 3 6 = – Trên màn hình máy tính xuất hiện kết quả 264, tức là kết quả của phép tính là 264. - HS thực hành và báo cáo kết quả.
3. Thực hành, luyện tập:	
Bài 1/24: Chọn cách bấm máy tính cầm tay cho phù hợp với mỗi phép tính:  - GV chữa bài, nhận xét. - Khi thực hiện tính toán bằng MTCT em cần lưu ý bấm các số và dấu đã cho theo thứ tự từ trái sang phải. Sau khi bấm số và dấu +, -, x, : thì phải bấm dấu = mới ra kết quả. **Bài 2/24:** Thực hiện các phép tính sau rồi sử dụng máy tính cầm tay để kiểm tra kết quả: a) 1975 + 2025; b)3871 – 189 c) 475 x 81 c) 51 : 6 - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài. - GV tổ chức cho HS chơi một trò chơi như sau: + GV chia lớp thành 2 đội lên bảng, mỗi đội gồm 4 HS. Mỗi đội lần lượt cử 1 HS lên bảng thực hiện phép tính. Mỗi đội chỉ được sử dụng máy tính để tính 2 phép tính đã	- HS đọc yêu cầu bài. - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và làm bài vào sách bằng cách nối các đáp án giống nhau. 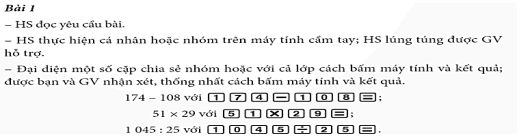 *Bài 1* – HS đọc yêu cầu bài. – HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm trên máy tính cầm tay; HS lúng túng được GV hỗ trợ. – Đại diện một số cặp chia sẻ nhóm hoặc với cả lớp cách bấm máy tính và kết quả; được bạn và GV nhận xét, thống nhất cách bấm máy tính và kết quả. 174 – 108 với 1 7 4 − 1 0 8 =; 51 × 29 với 5 1 × 2 9 =; 1 045 : 25 với 1 0 4 5 ÷ 2 5 =. - HS đọc - HS lắng nghe luật chơi. - HS chơi trò chơi.

chọn. Đội nào hoàn thành trước và có kết quả đúng với 4 phép tính sẽ chiến thắng. - GV chữa bài (có thể yêu cầu cả lớp sử dụng máy tính cầm tay để kiểm tra) - Trong các phép tính đã cho, nếu không sử dụng máy tính, em thấy phép tính nào sẽ tính khó khăn hơn?	- Phép tính 475 x 81
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 3/24,25: 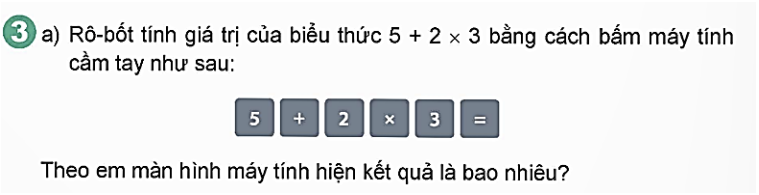 - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài rồi thảo luận theo nhóm 2 và đưa ra ý kiến. - GV chốt đáp án đúng. - GV yêu cầu HS nêu lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức. - GV có thể đưa ra một biểu thức phức tạp hơn và yêu cầu các nhóm tính giá trị của biểu thức đó (có thể dùng máy tính cầm tay). Nhóm nào tính được kết quả chính xác nhanh nhất là nhóm chiến thắng. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	 - HS đọc. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện nhóm chia sẻ, các nhóm khác nhận xét. Gợi ý: a) Máy tính sẽ hiện kết quả là 21. b) Giá trị của biểu thức đã cho là 11. - Hai kết quả tính được là khác nhau. - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ĐỌC: THƯ CỦA BỐ (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Thư của bố. Biết đọc diễn cảm với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của người lính đang

làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của tổ quốc.

- Đọc hiểu: Nhận biết được những khó khăn, thử thách mà người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc phải trải qua. Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ của người lính biển; tình yêu, sự gắn bó của người lính đối với gia đình; sự quan tâm, thấu hiểu, sẻ chia của gia đình giành cho họ.

* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: Giới thiệu chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS xem video *"infographic chủ quyền biển đảo Việt Nam"* và trả lời câu hỏi: + Bờ biển nước ta dài bao nhiêu ki-lô-mét? + Vùng biển nước ta có bao nhiêu hải đảo? + Biển đảo cung cấp những nguồn tài nguyên nào cho nước ta? - GV giới thiệu: ***Sở hữu những nguồn tài nguyên biển quý giá như vậy, nên biển Đông và lãnh hải Việt Nam thường xuyên bị dòm ngó. Những chiến sĩ canh gác biển đảo vẫn luôn túc trực ngày đêm, giữ chắc tay súng từng giây từng phút để bảo vệ hải đảo biên cương.*** + Là HS các em cần phải làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta? - Gv nhận xét, tuyên dương - GV dùng tranh minh họa để giới thiệu vào bài.	- HS xem video. + 3 260 km + 2 773 hải đảo chưa kể 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. + Cung cấp hải sản, dầu khí,… - Học sinh lắng nghe. - HS trả lời theo hiểu biết. Ví dụ: Cố gắng học tập thật tốt,… - Theo dõi
2. Khám phá.	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1 Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng. Nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- HS lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài.

- Bài thơ có mấy khổ thơ? - GV chia đoạn: 3 đoạn là 3 khổ thơ theo thứ tự: + Đoạn 1:từ đầu đến mặt nước. + Đoạn 2: tiếp theo cho đến thương yêu. + Đoạn 3: Còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *lững lờ trôi, giỡn đùa, sẵn sàng,…* - GV hướng dẫn ngắt nhịp thơ: *Con lớn lên,/ quen vắng bố trong nhà* *Hai mẹ con,/ nhà một phòng cũng trống;* *Nơi đầu sóng,/ sẵn sàng nghiêng chiến* *Vẫn dịu dàng,/ êm ái lá thư xanh…* - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Nhấn giọng oả những hình ảnh thơ ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn thử thách, những từ ngữ thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với công việc và tình yêu gia đình của người lính biển. - GV 3 mời học sinh đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét sửa sai và tuyên dương.	- 3 khổ thơ - HS quan sát - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu thơ. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.
2.2. Luyện đọc diễn cảm - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc. - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: + Nhấn giọng ở những hình ảnh ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn thử thách, những từ ngữ thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với công việc và tình yêu gia đình của người lính biển. Ví dụ: *Nhịp bước khẩn trương khi khâu lệnh vang lên/ Mắt dõi theo vệt ra-đa rà quét.* *Áo đọng muối khô, da nhận mùi nắng khét,…/ Thư chỉ nói về nỗi nhớ với thương yêu…* - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm cá nhân. - Gọi một số em đọc diễn cảm trước lớp và một số HS nhận xét. - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. - HS luyện đọc cá nhân. - Một số em đọc diễn cảm trước lớp và một số em khác nhận xét.
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)	 - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài.

- GV nhận xét chung.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Tìm hiểu bài.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có) + Khẩu lệnh: lệnh hô trong tập luyện hoặc chiến đấu. + Nghênh chiến: đón đánh trực tiếp, mặt đối mặt. + Ra-đa: máy xác định vị trí và khoảng cách của vật cần phát hiện bằng sự phản xạ của sóng radio khi gặp vật đó. - GV yêu câu học sinh đặt 1 câu có chứa 1 trong các từ ngữ vừa giải nghĩa	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ - HS đặt câu có chứa các từ giải nghĩa.
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sách giáo khoa. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,… - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Ở khổ thơ thứ nhất, bạn nhỏ đã chia sẻ điều gì? + Câu 2: Những chi tiết nào cho thấy bố bạn nhỏ phải vượt qua nhiều khó khăn, vất vả để bảo vệ biển đảo của Tổ quốc? + Câu 3: Theo em, vì sao trong thư bố bạn nhỏ không kể về những khó khăn, vất vả của mình? + Câu 4: Bạn nhỏ đã thể hiện tình cảm của mình với bố qua những hành động, việc làm nào? Em chọn ý nào? Vì sao?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Ở khổ thơ thứ nhất, bạn nhỏ chia sẻ hoàn cảnh của gia đình mình: Bố của bạn nhỏ công tác ngoài dảo xa nên hai mẹ con bạn luôn cảm thấy trống vắng, luôn hướng về cuộc sống ngoài đảo của bố. Bạn nhỏ luôn mong chờ những lá thư kể chuyện biển cả thú vị do bố gửi về. + Những chi tiết cho thấy bố bạn nhỏ phải vượt qua nhiều khó khăn, vất vả để bảo vệ biển đảo của Tổ quốc là: cơn bão chờ phía trước, dải đá ngầm, áo đọng muối khô, da nhận mùi nắng khét. + Trong thư bố bạn nhỏ không kể về những khó khăn, vất vả của mình vì: bố bạn nhỏ không muốn người thân phải lo lắng…

A. Làm quen với cuộc sống của bố. B. Mong đợi những lá thư của bố. C. Hiểu được cả những điều bố chưa viết trong thư. + Câu 5: Hai dòng thơ "Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghiêng chiến/ Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh…" cho em hiểu điều gì về người lính biển? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: ***Ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ của người lính biển; tình yêu, sự gắn bó của người lính đối với gia đình; sự quan tâm, thấu hiểu, sẻ chia của gia đình giành cho họ.***	+ Chọn cả 3 vì bạn nhỏ rất yêu bố, biết cuộc ngoài đảo rất khó khăn, thiếu thốn,... + Hai dòng thơ cho em hiểu về tinh thần, ý chi quật cường, tư thế chủ động, luôn sẵn sàng chiến đấu của người lính biển trong tư cách người bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, vừa cho thấy hình ảnh một người chồng, người cha thân thương gần gũi, chan chứa tình yêu thương với gia đình. - 2 - 3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
3.3. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ + Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân. + Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia đọc thuộc lòng bài thơ. + HS đọc thuộc lòng cá nhân. + HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Một số HS đọc thuộc lòng - Lắng nghe
3.3. Luyện tập theo văn bản.	
Bài 1. Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây vào nhóm thich hợp. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. Động từ Tính từ Con lớn lên, quen vắng bố trong nhà Hai mẹ con, nhà một phòng cũng **trống** Chỉ **mong đợi** những lá thư gió lộng Và mặn mòi hương biển **xa xôi**… Nghe **êm đềm** sóng lặng lững lờ trôi Thấy đàn cá heo **giỡn đùa** mặt nước. - Mời học sinh hoạt động cá nhân. - Mời HS trình bày.	- 1 HS đọc đề bài. - HS làm việc cá nhân Động từ: mong đợi, giỡn đùa Tính từ: trống, xa xôi, êm đềm - HS trình bày.

- Mời HS khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương, chốt đáp án đúng	- Các HS nhận xét - Lắng nghe
Bài 2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm ở bài tập 1 - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương.	- 1 HS đọc đề bài. - HS thảo luận nhóm 4 PHIẾU HỌC TẬP *Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm ở bài tập 1* + Từ đồng nghĩa với từ trống là: thiếu vắng, trống vắng,… + Từ đồng nghĩa với từ mong đợi là: mong chờ, chờ đợi, chờ mong,… + Từ đồng nghĩa với từ xa xôi là: xa, xa lắc, xa cách,… + Từ đồng nghĩa với từ êm đềm là: êm ả, êm ái,… + Từ đồng nghĩa với từ giỡn đùa là: nô đùa, đùa cợt,… - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
Bài 3. Viết 1 – 2 câu ghép về bạn nhỏ trong bài thơ "Thư của bố", trong đó có sử dụng kết từ để nối các vế câu. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở - Gọi 5-6 HS đọc bài của mình và yêu cầu chỉ ra kết từ trong câu đã viết. - GV nhận xét, tuyên dương, sửa lỗi (nếu có)	- 1 HS đọc - HS viết vào vở Ví dụ: **Tuy** bạn nhỏ không gần bố **nhưng** bạn ấy luôn nhớ về bố. Bạn nhỏ đã khôn lớn **và** bạn ây đã đọc được cả những điều bố không viết trong thư. - 5-6 HS đọc và chỉ ra kết từ - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Chuyền hoa": Cách chơi như sau: Người quản trò sẽ bắt nhịp một bài hát, cả lớp cùng hát theo và cùng chuyền bông hoa đi. Sau khi kết thúc bài hát, bạn nào cầm bông hoa trên tay sẽ phải đọc diễn cảm một khổ thơ trong bài "Thư của bố" đã được giấu trong hoa…	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia chơi trò chơi.

- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy.	- Lắng nghe - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

Bài 15: CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Sưu tầm và kể lại được truyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Trần Can.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh ảnh truyện về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS theo dõi video https://youtu.be/CSCcoNybWNA Hs chia sẻ câu chuyện bức tranh sưu tầm được về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ,+ Trong video nói đến sự kiện và nhân vật lịch sử nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về sự kiện nhân vật đó? + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm đôi hỏi đáp trao đổi chia sẻ vềđiều mình biết . - GV mời một số nhóm trình bày, lớp theo dõi nhận xét bổ sung - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu đã nói lên tình đoàn kết dân tộc anh hùng không tiếc hy sinh sương máu để bảo vệ và xây dưng đất nước như Phan Đình	- Cả lớp quan sát tranh. - HS1: Nói về sự kiện lịch sử Chiến dịch Điện Biên Phủ - HS2: Nói đến anh hùng Bế Văn Đàn trong chiến dịch Điện Biên Phủ - HS lắng nghe ghi đầu bài.

Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai,Bế Văn Đàn lấy vai làm giá súng, Tô Vĩnh Diện dùng thân chèn pháo… trong kháng chiến chống Pháp của dân ta. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Chiến dịch Điện Biên Phủ- Tiết 2" kể về các anh hùng dân tộc trong chiến dịch	
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1: Truyện kể về những tấm gương anh hùng trongchiến dịch Điện Biên Phủ1954 - GV cho Hs theo dõi bài báo http://baoquankhu4.com.vn/chinh-tri/nhung-tam-guong-anh-hung-trong-chien-thang-dien-bien-phu.html Hay video các anh hùng tiêu biểu trong chiến dịch Điện Biên Phủhttps://youtu.be/JTwvn8GOxzE và yêu cầu HS thực hiện yêu cầu sau: +/ Nêu một số tên các anh hùng tiêu biểu trong chiến dịch Điện Biên Phủ +/Giới thiệucâu chuyện về 1 trong các anh hùng Điện Biên Phủ mà em biết và đã tìm hiểu. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV bổ sung: ***Để giành được chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 cả dân tộc đã phải hy sinh, mất mát rất to lớn. Những câu chuyện trong bài học mới chỉ giới thiệu một số tấm gương tiêu biểu. Ngoài ra, còn rất nhiều câu chuyện tấm gương anh hùng khác góp phần làm nên chiến thắng các em có thể về nhà tìm hiểu thêm.***	- HS theo dõi,quan sát tranh, thảo luận. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. */Bế Văn Đàn , Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Trần Can… */ Em đã tìm hiểu câu chuyền về Bế Văn Đàn(….)
3. Hoạt động luyện tập.	

Hoạt động thi kể chuyện: "Theo dòng Lịch sử"

a/- GV tổ chức cho học sinh đọc 2 câu chuyện trong sách giáo khoa và nêu:

+/Câu chuyện nói về nhân vật lịch sử nào?

+/ Nội dung câu chuyện là gì?

+/ Em học được điều gì từ các nhân vật lịch sử ấy?

- GV cho học sinh thực hiện theo nhóm

STT	Nội dung	Có/Không
1	Nội dung câu chuyện đúng đầy đủ ,hấp dẫn	
2	Giọng kể rõ ràng mạch lạc, có cảm xúc	
3	Có sử dụng điệu bộ cử chỉ, nét mặt phù hợp với câu chuyện	

.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm

b/ Giáo viên cho học sinh thực hiện

+/Thi kể chuyện về chiến dịch và các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

+/Nêu hay viết đoạn văn ngắn về cảm nghĩ của em về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

- GV cho học sinh thực hiện theo nhóm .

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm theo tiêu chí sau.

Tiêu đề	Mức độ 1	Mức độ 3	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày mạch lạc,logic	Còn nhầm lẫn nội dung	Không rõ bố cục .
	2	1 điểm	0,5

- HS lắng nghe yêu cầu.

- HS nối tiếp nêu câu trả lời

* Câu chuyện kể về Phan Đình Giót: Nói về sự hy sinh của Phan Đình Giót. Ở Him Lam trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Tấm gương anh hùng Phan Đình Giót đã nêu cao tinh thần quyết thắngcho các chiến sĩ trên toàn mặt trận quyết tâm tiêu diệtđịch tại Điện Biên Phủ. Câu chuyện của anh khiến em học được lòng quyết tâm vượt khó kiên cường, sáng tạo trong các hoạt động, em biết ơn các anh hùng dân tộc, em cố gắng học tập để noi gương các anh gìn giữ và xây dựng đất nước.

Câu chuyện kể về anh Bế Văn Đàn là người dân tộc Tày dũng cảm lấy thân làm giá súng tạo điều kiện cho đồng đội tiêu diệt địch. Em học được tinh thần dũng cảm hy sinh của anh, biết ơn anh quyết tâm học tập hơn nữa để góp phần gìn giữ xây dựng đất nước xứng với sự hy sinh của các anh.

Giọng nói,biểu cảm	To rõ, nhấn giọng đúng ,thể hiện cảm xúc qua cử chỉ nét mặt	Không đạtđủ các tiêu chí 1	Không đạt tiêu chí nào	- HS lắng nghe yêu cầu. - HS tham gia thi kể chuyện. - Hs đọc đoạn văn hoặc nêu cảm nghĩ của mình về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ
	3 đ	2 đ	1 đ	
Nội dung	Đầy đủ , sắp xếp theo logic	Còn thiếu 1 số nội dung, sắp xếp logic	Thiếu nội dung, sắp xếp lộn xộn	- HS lắng nghe, dánh giá và rút kinh nghiệm.
	3đ	2đ	1đ	

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV yêu cầu HS tìm hiểu các câu chuyện,bài thơ bài hát về chiến dịch ĐBP, giới thiệu di tích lịch sử hay hình ảnh liên quan đến chiến dịch ĐBP đã thực hiện ở nhà đến chia sẻ trước lớp. Liên hệ việc làm của bản than sau khi học xong bài học.	- Học sinh tham gia chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- Nhận xét sau tiết dạy.	
- Dặn dò về nhà chuẩn bị bài 16 Chiến dịch Hồ Chí Minh	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Năm ngày 05 tháng 02 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI (Bài viết số 1).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết viết bài văn tả người theo yêu cầu
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS múa hát bài "Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ". + Bạn nhỏ trong bài hát nhìn thấy đặc điểm, hoạt động gì của Bác? - GV Nhận xét, tuyên dương + giới thiệu bài.	- HS múa hát + Râu Bác dài, tóc bạc, bác mỉm cười khen bạn nhỏ ngoan - HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
***Hướng dẫn HS chuẩn bị viết** - GV mời 1 HS đọc đề bài và dàn ý đã lập ở bài trước. - GV hướng dẫn HS thêm cách viết bài văn tả người, mở bài, kết bài có thể viết theo các cách khác nhau. - Yêu cầu học sinh chọn 1 trong 2 đề để viết bài văn theo dàn ý đã lập + Đề 1: Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em. + Đề 2: Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp. *** Hỗ trợ học sinh trong quá trình viết** - GV yêu cầu hs nhắc lại bố cục khi viết bài văn - GV quan sát HS viết bài, hỗ trợ kịp thời * Hướng dẫn HS cách đọc soát và sửa bài viết - Gọi HS đọc lại bài của mình và tự sửa theo HD của GV - GV mời HS đọc bài trước lớp - Mời HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc đề bài và chọn đề phù hợp - HS nhắc lại bố cục - HS viết bài vào vở - HS đọc soát, sửa lại bài của mình - HS nhận xét. - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm.	

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi "Ai là người thắng cuộc" + Hãy nêu bố cục của bài văn tả người? + Có mấy cách viết mở bài trong bài văn tả người? + Có mấy cách viết kết bài trong bài văn tả người? + Kể tên cảnh đẹp quê hương em? + GV chuẩn bị một số tờ giấy A3 (tùy theo số lượng nhóm). + Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS) + Các nhóm trả lời nhanh câu hỏi và nhóm nào nhanh nhất và trả lời đúng nhiều nhất thì nhóm đó chiến thắng.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe.
- GV nhận xét tiết dạy.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 42: MÁY TÍNH CẦM TAY (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS biết sử dụng được máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính nhân, chia, cộng, trừ với số tự nhiên.
- Sử dụng được máy tính cầm tay để tính giá trị phần trăm của một số, tính được tỉ số phần trăm của hai số.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán. Máy tính cầm tay.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho học sinh sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính sau : + **Câu 1**:Tính: 28 459 + 17 409 =	 + Trả lời: 45 868

+ **Câu 2**: Tính giá trị biểu thức: 1230 – 34 x 6 = + **Câu 3**: Tìm ? ? + 24 568 = 48 972 + **Câu 4**: Tính 45% của 60 - Nêu cách tính 45% của 60 bằng MTCT - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: Ngoài cách tính như bạn, cô giáo sẽ hướng dẫn các em cách tính tỉ số phần trăm của hai số và giá trị phần trăm của một số bằng MTCT nhanh hơn.	+ Trả lời: 1026 + Trả lời: 24 404 + Trả lời: 27 - Em bấm 45 x 60 : 100 = 27 - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  	- HS quan sát tranh, nêu tình huống
a) Tình huống 1: - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu tình huống và thực hiện theo nhóm 2 a) Ví dụ 1: Tính 5% của 780 000. – Lần lượt ấn các phím: 7 8 0 0 0 0 × 5 % = – Màn hình xuất hiện kết quả 39 000. Vậy 5% của 780 000 là 39 000. - Vậy muốn tính giá trị phần trăm của một số bằng MTCT , em làm như thế nào?	- HS đọc tình huống 1. - Sử dụng máy tính thực hiện: 1 bạn thực hiện, 1 bạn quan sát, ghi kết quả. Chia sẻ kết quả - Em chỉ cần lấy số đó nhân với số phần trăm đã cho rồi ấn nút %, dấu = là ra được kết quả.
b) Tình huống 2: - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu tình huống và thực hiện theo nhóm đôi. b) Ví dụ 2: Tính tỉ số phần trăm của 3 và 40. – Lần lượt ấn các phím: 3 ÷ 4 0 % = – Màn hình xuất hiện kết quả 7,5. Vậy tỉ số phần trăm của 3 và 40 là 7,5%. - Vậy muốn tính tỉ số phần trăm của hai số bằng MTCT , em làm như thế nào? - GV giới thiệu bài	- HS đọc tình huống 2. - Sử dụng máy tính thực hiện: 1 bạn thực hiện, 1 bạn quan sát, ghi kết quả. Chia sẻ kết quả - Em chỉ cần lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai rồi nhấn nút % và cuối cùng là dấu =

3. Thực hành :

Bài 1: Sử dụng máy tính cầm tay để tính: a) 8% của 35 b) 32% của 4 - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài và làm vào vở. - GV soi bài , nhận xét. **Bài 2:** Sử dụng máy tính cầm tay để tính tỉ số phần trăm của : a) 16 và 80 b) 38 và 125 - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài và làm vào vở.	- GV cho HS đọc yêu cầu đề bài và làm vào vở. - HS chia sẻ bài làm - Kết quả: a) 8% của 35 = 35 x 8% = 2,8 b) 32% của 4= 4 x 32 % = 1,28. - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài và làm vào vở. - HS chia sẻ bài làm - Kết quả: a) 16 : 80% = 20 % b) 38 : 125% = 30,4 %

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 1: Một cửa hàng áp dụng chính sách khuyến mại hoàn tiền 10% cho mọi đơn hàng từ 1 000 000 đồng trở lên. Hãy tính số tiền được hoàn của mỗi hóa đơn sau: 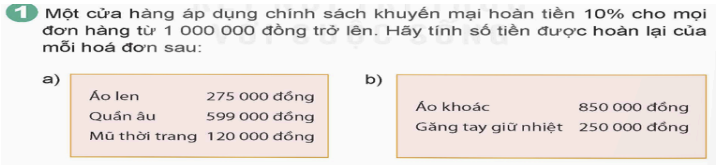 1 Một cửa hàng áp dụng chính sách khuyến mại hoàn tiền 10% cho mọi đơn hàng từ 1 000 000 đồng trở lên. Hãy tính số tiền được hoàn lại của mỗi hoá đơn sau: a) Áo len 275 000 đồng Quần âu 599 000 đồng Mũ thời trang 120 000 đồng b) Áo khoác 850 000 đồng Găng tay giữ nhiệt 250 000 đồng - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài suy nghĩ, làm việc cá nhân. - Thảo luận nhóm đôi nêu cách làm bài 1. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	- HS đọc, suy nghĩ và TLCH - HS thảo luận nhóm. Chia sẻ. - Hóa đơn 1 không được hoàn tiền vì Tổng giá trị hóa đơn < 1 000 000 Ta có : 275 000 + 599 000 + 120 000 = 994 000 (đồng). - Hóa đơn 2: Tổng giá trị hóa đơn là: 850 000 + 250 000 = 1 100 000 (đồng). Vậy ta tính số tiền được hoàn như sau: 1 100 000 x 10% = 110 000 (đồng).

Bài 2: Chú Năm gửi 250 000 000 đồng vào ngân hàng với lãi suất 8% một năm. Hãy sử dụng MTCT để tính số tiền lãi mà chú nhận được sau 1 năm. - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài suy nghĩ, làm việc cá nhân. - Thảo luận nhóm đôi nêu cách làm bài 2. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. - Gv nhận xét giờ học, dặn dò BVN.	- HS đọc, suy nghĩ và TLCH - HS thảo luận nhóm. Chia sẻ. - Cách tính: 250 000 000 x 8% = 20 000 000 (đồng) Vậy sau 1 năm bác nhận được số tiền lãi là 20 000 000 đồng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LEO. (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được bài tập rèn luyện kĩ năng leo; xử lí được một số tình huống trong tập luyện.
- Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản; thể dục thể thao;...
- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	**Hoạt động HS**
I. Hoạt động mở đầu	5-7’		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp 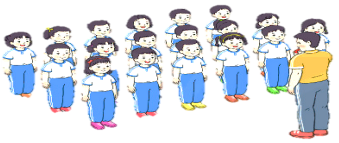 - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8 N 2Lx8 N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động 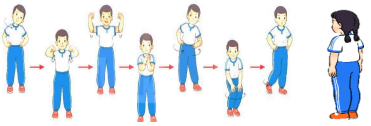 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi " Cùng nhau ta đi lên" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi 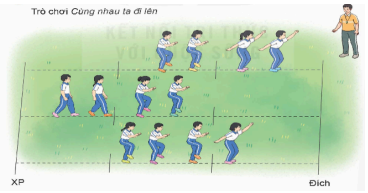 - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** a. Ôn Leo đổi chân luân phiên lên thang chữ A b. Học bài tập: Leo đổi chân luân phiên xuống thang chữ A 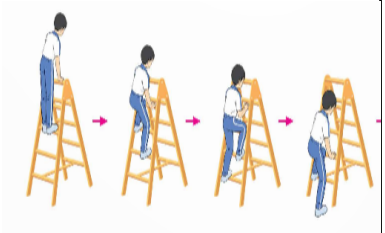 - Cách thực hiện: Sau khi kết thúc leo lên, hạ chân phải (trái) và tay phải (trái) xuống một bậc thang, sau đó hạ chân trái (phải) và tay trái (phải) xuống bậc thang tiếp theo. Cứ như vậy thực hiện cho đến		- GV hướng dẫn HS ôn luyện - GV quan sát, nhận xét, sửa sai cho HS - GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kĩ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video … nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. -GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS quan sát, nhận xét, rút	- HS thực hiện ôn tập các bài tập Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác. GV cùng HS nhận

khi chân chạm đất, về TTCB.		kinh nghiệm	xét, đánh giá tuyên dương - HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS lần lượt thực hiện 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	 - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16’		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ 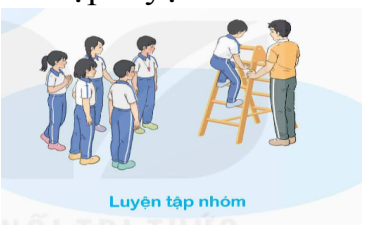 - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.

4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: "Đội nào nhanh hơn"	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. *Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.*	ĐH chơi trò chơi 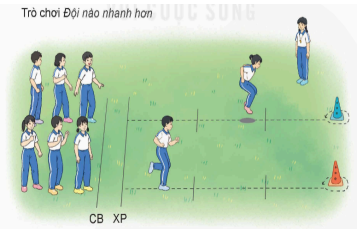 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). ***2. Vận dụng:***		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh 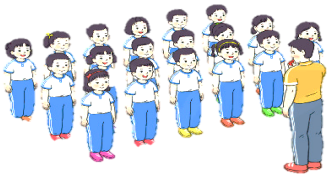 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Công nghệ:

Bài 6: SỬ DỤNG TỦ LẠNH (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận thức được một số biểu hiện bất thường của tủ lạnh khi sử dụng.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK (trang 26). + GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi Ai nhanh ai đúng. - GV chia lớp thành hai đội chơi, đội 1 sẽ tìm tên các thực phẩm để trong ngăn mát tủ lạnh, đội 2 sẽ tìm tên các thực phẩm để trong ngăn đông của tủ lạnh. Trong thời gian 2 phút, đội nào tìm được nhiều loại thực phẩm hơn thì đội đó sẽ chiến thắng. - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi. - Gv nhận xét, tuyên bố nhóm thắng cuộc. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Con người sử dụng tủ lạnh để bảo quản thực phẩm được lâu hơn. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Sử dụng tủ lạnh (tiết 3)".	- Cả lớp quan sát tranh. Hs tham gia chơi trò chơi. 2 đại diện cho 2 đội chơi trình bày kết quả. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động luyện tập:	
- GV yêu cầu HS quan sát và chỉ ra biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong các tình huống ở Hình 4.	- HS quan sát tranhvà nêubiểu hiện bất thường của tủ lạnh trong các tình huống ở Hình 4. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

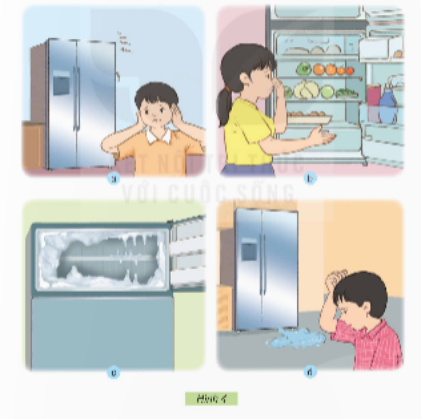 - GV yêu cầu HS thảo luận với bạn cách xử lí khi phát hiện các biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong các tình huống ở Hình 4. - GV mời đại diện các nhóm - GV nhận xét, tuyên dương. **Kết luận: Khi phát hiện tủ lạnh có dấu hiệu bất thường cần thông báo cho người lớn để giải quyết.**	a. Tủ lạnh phát ra tiếng ồn. b. Tủ lạnh không lạnh. c. Tủ lạnh bị đông đá. d. Tủ lạnh có nước chảy ra. HS thảo luận với bạn cách xử lí khi phát hiện các biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong các tình huống ở Hình 4. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS lắng nghe.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS chia sẻ về một số biểu hiện bất thường của tủ lạnh khi sử dụng mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Sáu ngày 06 tháng 02 năm 2026

Tiếng Việt:

ĐỌC MỞ RỘNG:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc mở rộng bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống giúp các em mở rộng hơn về chủ điểm, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về bài thơ đã đọc.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...
- Phát triển năng lực số:

1.1.CB2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình.

1.1.CB2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số.

1.1.CB2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

+HS biết chọn lọc câu chuyện từ các trang web chính thống.

+Hs thông qua thiết bị số tìm kiếm các câu chuyện, bài báo, bài thơ theo yêu cầu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS nghe bài hát "Bàn tay mẹ" https://www.youtube.com/watch?v=0vulVqaCiD4 - Nội dung bài hát nói về ai? - Trong bài hát, bàn tay mẹ đã làm những việc ? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: ***Trong mỗi gia đình, người mẹ thường là người vất vả nhất, luôn lo toan, chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ và mọi mặt đời sống cho các thành viên. Mẹ giúp chúng ta cảm thấy cuộc sống đẹp hơn. Trong tiết học ngày hôm nay các em sẽ đọc thêm một số bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống.***	- HS Lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát. - Nội dung bài hát nói về mẹ. - Bàn tay mẹ đã làm những việc: bế con, nấu cơm cho con ăn, đun nước cho con uống, … - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Phát triển năng lực số: + HS tìm và đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống giúp các em mở rộng hơn về chủ điểm, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về bài thơ đã đọc.	
Bài 1: Đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1 và gợi ý. - Những bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống: + Bài thơ " Chú đi tuần" của Trần Ngọc + Bài thơ "Tiếng võng kêu" của Trần Đăng Khoa	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài thơ đã chuẩn bị trước.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ nhớ lại những bài thơ đã đọc hoặc đọc bài thơ em đã chuẩn bị trước. **2. Viết phiếu đọc sách:** - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết vào phiếu đọc sách theo mẫu. 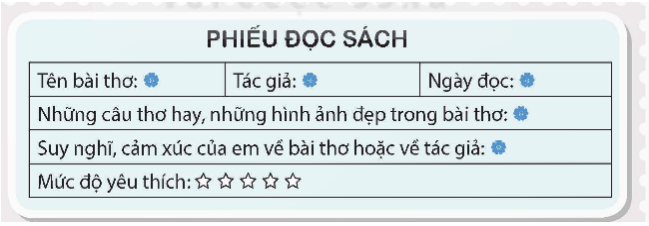 	- Nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về bài thơ đã đọc - HS viết phiếu đọc sách theo mẫu về câu chuyện em đã đọc.
3. Luyện tập.	
3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận về nội dung sau: + Chia sẻ với bạn về điều mình yêu thích trong một bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống (hình ảnh đẹp, câu thơ hay, suy nghĩ, cảm xúc). Nêu vẻ đẹp cuộc sống được thể hiện trong bài thơ. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	 - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV giao việc cho HS về nhà: + Sưu tầm và đọc thêm các bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống. + Đọc và chia sẻ với người thân về vẻ đẹp của cuộc sống được thể hiện trong bài thơ đó. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà. + Sưu tầm và đọc thêm các bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống + Chia sẻ với người thân về vẻ đẹp của cuộc sống được thể hiện trong bài thơ. - Lắng nghe - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 43: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố các dạng toán có lời văn về phép nhân, phép chia, tính giá trị phần trăm của một số,...
- HS được sử dụng máy tính cầm tay để kiểm tra kết quả phép tính hoặc thực hiện phép tính với hai số tự nhiên.

* Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS thực hành sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện một số bài toán sau: + **Câu 1**: Tính tỉ số phần trăm của hai số: 29 và 40 + **Câu 2**: Tính giá trị biểu thức: 18,36 : 1,2 x 5 = + **Câu 3**: Tính 30 % của 110 + **Câu 4**: Tính giá trị biểu thức: 6 312 : 12 – 148 = - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	 + Trả lời: 29 : 40% = 72,5 % + Trả lời: 76,5 + Trả lời: 30% x 110 = 33 + Trả lời: 378 - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1: Cô Hường đã mua 7 chiếc vòng, mỗi chiếc có giá 25 000 đồng. Hỏi cô Hường cần trả chúng mình bao nhiêu tiền? - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: - Gv kiểm tra bảng của học sinh. Mời 1 Hs lên chia sẻ bài làm. - GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai). - Ai có câu lời giải khác?	- HS đọc yêu cầu bài 1. - Suy nghĩ và thực hiện phép tính vào bảng con.(không viết câu lời giải) Bài giải Cô Hường cần trả chúng mình số tiền là: 25 000 x 7 = 175 000 (đồng) Đáp số: 175 000 đồng
Bài 2: Chúng mình áp dụng chương trình khuyến mại giảm giá 20% cho bất kì ai mua nhiều hơn 10 chiếc vòng. Thầy Hải đã mua 18 chiếc vòng, mỗi chiếc có giá 25 000 đồng. Hỏi thầy Hải cần trả chúng mình bao nhiêu tiền? - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.	- HS đọc yêu cầu bài.

- Bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân(2 phút) - Thảo luận nhóm 4 thống nhất cách làm bài 2. - GV nhận xét bài giải đúng. - GV yêu cầu HS nêu cách sử dụng máy tính => Ở bài 2, các em vẫn tiếp tục vận dụng kiến thức của bài toán tìm giá trị phần trăm của một số và sử dụng máy tính cầm tay để tính cho nhanh. **Bài 3: Những chiếc vòng còn lại của chúng mình có một doanh nghiệp địa phương mua với giá tổng cộng là 3 000 000 đồng. Hỏi mỗi chiếc vòng đó giá bao nhiêu tiền ?** - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - Bài có mấy yêu cầu? - GV yêu cầu HS làm vở. - GV soi bài, nhận xét bài giải đúng. - Ai có câu trả lời khác? - Để tính số vòng còn lại, em đã làm như thế nào?	- HS nêu. - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và làm bài vào nháp. - HS thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm chia sẻ: - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). Bài giải Thầy Hải cần trả số tiền là : 25 000 x 18 = 450 000 (đồng) Vì được giảm giá 20% nên số tiền cuối cùng thầy phải trả là: 450 000 – (450 000 x 20%) = 360 000 (đồng) Đáp số 360 000 (đồng) - HS đọc yêu cầu bài. - HS nêu. - Học sinh làm vở. - Học sinh chia sẻ bài làm của mình: - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). Bài giải Số vòng còn lại của các bạn là: 100 - 7 – 18 = 75 (chiếc) Mỗi chiếc vòng có giá tiền là: 3 000 000 : 75 = 40 000 (đồng) Đáp số: 40 000 đồng - Em lấy số vòng ban đầu trừ đi số vòng mà thầy Hải và cô Hường đã mua.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 4 : Ban giám hiệu ủng hộ dự định quyên góp từ thiện của lớp mình bằng cách góp thêm vào quỹ một số tiền bằng 20% doanh thu bán vòng trang sức của lớp. Tính số tiền mà lớp mình đã quyên	

góp được cho quỹ hỗ trợ trẻ em nghèo ở vùng cao ? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu cá nhân. - Thảo luận nhóm 6: nêu cách làm bài.   <

*Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS xem 1 đoạn phim ngắn về bệnh tả (mô phỏng) https://youtu.be/Jedorh2Spqo?si=seri892aqcPX5oGR -Chia sẻ: Qua đoạn phim em nhận ra những thông tin nào? - GV dẫn dắt: Bệnh tả ở người là một bệnh truyền nhiễm cấp tính xảy ra ở đường tiêu hoá, do vi khuẩn Vibrio cholerea gây ra. Tiết học hôm nay các con sẽ được tìm hiểu về dấu hiệu, nguyên nhân và cách phòng tránh căn bệnh nguy hiểm này.	- Cả lớp lắng nghe. -Đây là căn bệnh nguy hiểm có thể bùng phát thành dịch trên diện rộng, có thể gây chết người nếu không được điều trị kịp thời. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
HĐ 1 và 2.Dấu hiệu, nguyên nhân, con đường lây truyền bệnh tả . –GV mời HS báo cáo việc sưu tầm tư liệu, phân loại theo nhóm –  Hình 5  Hình 6	

-GV tổ chức cho HS tìm hiểu về căn bệnh này bằng phương pháp trạm. -Trạm 1: Yêu cầu HS đọc khung thông tin 2, quan sát hình 5 và các hình ảnh, thông tin khác mà GV, HS bổ sung thêm xác định các dấu hiệu của bệnh tả. +Trạm 2: Yêu cầu HS đọc khung thông tin và xác định nguyên nhân gây bệnh tả. +Trạm 3: Yêu cầu HS đọc tư liệu, quan sát H6(a,b,c,d), để xác định những con đường lây truyền bệnh tả, kể thêm những việc làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh tả. –Mời đại diện các nhóm báo cáo. + Khi bị nôn và đi ngoài liên tục như vậy gây nguy hiểm gì cho cơ thể? + Hậu quả mà bệnh tả có thể gây ra là gì? –GV kết luận trên sơ đồ tư duy về bệnh tả.  	- Nôn mửa, đi ngoài liên tục - Người mệt mỏi, uể oải,… - Sử dụng thức ăn chưa được nấu chín - Không đeo khẩu trang khi chăm sóc người bệnh -Tay bị nhiễm khuẩn do tiếp xúc với thức ăn. -Ruồi mang theo vi khuẩn có tiếp xúc với thức ăn. +Cơ thể bị mất nước, mệt lả, suy kiệt, trụy tim... +Bệnh nhân có thể tử vong nếu không được chữa trị kịp thời. - HS lắng nghe.

3. Hoạt động luyện tập.

- GV đưa câu hỏi: Cần dựa vào đâu để tìm ra cách phòng tránh bệnh? Đề xuất những việc cần làm để phòng tránh bệnh tả? -HS thảo luận nhóm để hoàn thành vào bảng.	-HS lắng nghe và hoàn thành nhiệm vụ: -HS tham gia chơi theo nhóm

Nguyên nhân gây bệnh	**Việc cần làm**
Sử dụng thức ăn, nước uống có chứa vi khuẩn tả.	Sửa dụng thức ăn ngay sau khi được nấu chín.

	Đổ chất thải của người bệnh ra ngoài môi trường.	Đổ chất thải của người bệnh đúng nơi quy định, sử dụng chất sát khuẩn.
	Không đeo găng tay, khẩu trang khi chăm sóc người bệnh tả.	Đeo găng tay, khẩu trang khi chăm sóc người bệnh tả.
	Tay nhiễm vi khuẩn tả tiếp xúc trực tiếp với thức ăn.	Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.
	Ruồi mang vi khuẩn tả tiếp xúc với thức ăn	Giữ vệ sinh môi trường. Diệt ruồi.

–Mời các nhóm báo cáo. –GV khen ngợi - Các biện pháp phòng tránh dịch tả là gì? * GV kết luận: Việc chăm sóc sức khoẻ cần được thực hiện đầy đủ và thường xuyên thì chúng ta mới có chất lượng cuộc sống cao.	+ Giữ vệ sinh ăn uống. + Giữ vệ sinh cá nhân. + Giữ vệ sinh môi trường. + Diệt ruồi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV yêu cầu HS đọc mục ? SGK, kể những thói quen, việc làm của mình và người thân có thể dẫn đến lây nhiễm bệnh tả. +Vì sao việc làm đó của con có thể dẫn đến việc lây nhiễm bệnh tả? + Em sẽ hành động như thế nào để thay đổi? –GV nhận xét, khen ngợi HS và hỏi thêm:	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm. –HS chia sẻ về thực tế ở gia đình, lớp học: + Đi vệ sinh xong quên rửa tay. + Ăn uống quà vặt ở cổng trường. + Lười dọn dẹp nhà cửa, bếp ăn. + Không bảo quản đồ ăn cẩn thận,... + Không ăn thức ăn ôi thiu, không rõ nguồn gốc. + Dọn dẹp nhà cửa, nhà vệ sinh hằng ngày,...

+ Ngoài bệnh tả, còn có những bệnh nào do vi khuẩn gây ra qua đường ăn uống? +Em sẽ khuyên mọi người xung quanh như thế nào để phòng tránh các bệnh do vi khuẩn gây ra? - Các nhóm trình bày. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. - Dặn dò về nhà.	+ Vi khuẩn Salmonella trong thịt gà, trứng gà sống; vi khuẩn Ecoli; liên cầu khuẩn trong tiết canh, tụ cầu, ...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

TRẢI NGHIỆM MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh nhìn thấy và trình bày được sự trưởng thành của mình thông qua sản phẩm.
- Cảm thấy tự tin và thể nghiệm cảm xúc tích cực sau khi hoạt động, có động lực học tập và rèn luyện tốt hơn nữa trong năm học cuối cấp.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU

- GV và HS chuẩn bị các tờ giấy khổ lớn, bìa màu, bút màu,..
- Các đồ dùng dạy học, thiết bị có liên quan,…

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh xem bài hát "Tạm biệt mái trường", trình bày Minh Hằng https://youtu.be/Bz6EEiSuzMo?si=1wj7TXcG1D3vPAq - GV đặt câu hỏi để trao đổi, dẫn dắt HS vào bài học. + Bài hát nói về điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới:	- HS quan sát và lắng nghe bài hát. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. + Cảm xúc của HS khi chia tay mái trường. - HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần:	

*** Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)** - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) *** Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)** - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề.	
Hoạt động 3: Xây dựng một kịch bản sẵn sàng tham quan, trải nghiệm và tìm hiểu về môi trường học tập tại trường trung học cơ sở. - GV yêu cầu HS thảo luận chuẩn bị câu hỏi để phỏng vấn các bạn HS, thầy cô của trường THCS, có giấy bút ghi chép; nội dung cho từng nhóm; cách thức di chuyển,… - GV mời các nhóm chia sẻ - GV nhận xét chung và kết luận:	- HS lắng nghe nhiệm vụ và chuẩn bị .
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân: + Khi đến học ngôi trường mới cần chuẩn bị những gì? - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Toán:

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố cách tính chu vi và diện tích hình tròn; hình chữ nhật, hình tam giác.
- Rèn kĩ năng trình bày bài.
- Giúp HS có ý thức học tốt.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động dạy	Hoạt động học

I. Hoạt động 1 : Ôn cách tính chu vi và diện tích hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác - Cho HS nêu cách tính chu vi và diện tích hình tròn, diện tích hình chữ nhật, hình tam giác. - Cho HS lên bảng viết công thức tínhchu vi và diện tích hình tròn	- HS trình bày. - HS nêu cách tính chu vi và diện tích hình tròn - HS lên bảng viết công thức tính chu vi và diện tích hình tròn, công thức tính diện tích hình tam giác, hình chữ nhật
II. Hoạt động 2: Thực hành. GV cho HS đọc kĩ đề bài. - Cho HS làm bài tập. - GV giúp đỡ HS chậm. - Gọi HS lần lượt lên chia sẻ kết quả - GV chấm nhận xét 1 số bài.	- HS đọc kĩ đề bài. - HS làm bài tập. - HS lần lượt chia sẻ kết quả trước lớp.
Bài tập 1: Hãy khoanh vào cách giải đúng bài sau: Tìm diện tích hình tròn có bán kính là 5m: A: 5 x 2 x 3,14 B: 5 x 5 x 3,14 C: 5 x 3,14	***Lời giải :*** Khoanh vào B.
Bài tập 2: Cho tam giác có diện tích là 250cm^2 và chiều cao là 20cm. Tìm đáy tam giác? H: Hãy khoanh vào cách giải đúng A: 250 : 20 B : 250 : 20 : 2 C: 250 x 2 : 20	***Lời giải:*** Khoanh vào C .
Bài tập3: Một hình tròn có chu vi là 31,4dm. Hãy tìm diện tích hình đó ?	***Lời giải:*** Bán kính của hình tròn đó là:

Bài tập 4: Cho hình thang có DT là S, chiều cao h, đáy bé a, đáy lớn b. Hãy viết công thức tìm chiều cao h. **Bài tập 5**: (HSKG) H : Tìm diện tích hình sau : 36cm 28cm 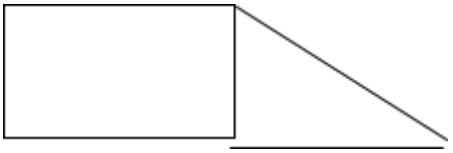 25cm **III. Củng cố dặn dò.** - GV nhận xét giờ học và dặn HS chuẩn bị bài sau.	31,4 : 3,14 : 2 = 5 (dm) Diện tích của hình tròn đó là: 5 x 5 x 3,14 = 78,5 (dm^2) - HS lắng nghe và thực hiện. ***Lời giải:*** h = S x 2: (a + b) ***Lời giải:*** Diện tích của hình chữ nhật đó là: 36 x 28 = 1008 (cm^2) Diện tích của hình tam giác đó là: 25 x 28 : 2 = 350 (cm^2) Diện tích của cả hình đó là: 1008 + 350 = 1358 (cm^2) Đáp số: 1358cm^2 - HS chuẩn bị bài sau.

Luyện Tiếng Việt:

LUYỆN TẬP VỀ VĂN TẢ NGƯỜI .

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố và nâng cao thêm cho các em những kiến thức về văn tả người..
- Rèn cho học sinh kĩ năng làm văn thành thạo.
- Giáo dục học sinh ý thức ham học bộ môn.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. Khởi động: - Nêu dàn bài chung về văn tả người? **2. Luyện tập**: - GV đưa ra bài tập và yêu cầu HS hoàn thành **Bài tập 1:** Sau đây là hai cách mở đầu bài văn tả người. Theo em, cách mở bài ở hai đoạn này có gì khác nhau? *Đề bài 1*: *Tả một người thân trong gia đình em.*	- HS nêu dàn bài chung về văn tả người (mỗi em nêu 1 phần) - HS làm bài - Chia sẻ kết quả trước lớp - HS trình bày.

Gia đình em gồm ông, bà, cha mẹ và hai chị em em. Em yêu tất cả mọi người nhưng em quý nhất là ông nội em. *Đề bài 2* :*Tả một chú bé đang chăn trâu*. Trong những ngày hè vừa qua, em được bố mẹ cho về thăm quê ngoại. Quê ngoại đẹp lắm, có cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay. Em gặp những người nhân hậu, thuần phác, siêng năng cần cù, chịu thương, chịu khó. Nhưng em nhớ nhất là hình ảnh một bạn nhỏ chạc tuổi em đang chăn trâu trên bờ đê. **Bài tập 2**: Cho các đề bài sau : *Đề bài 1 : Tả một người bạn cùng lớp hoặc cùng bàn với em. *Đề bài 2 : Tả một em bé đang tuổi chập chững tập đi. *Đề bài 3 : Tả cô giáo hoặc thầy giáo đang giảng bài. *Đề bài 4 : Tả ông em đang tưới cây. Em hãy chọn một trong 4 đề và viết đoạn mở bài theo 2 cách sau : - Giới thiệu trực tiếp người được tả. - Giới thiệu hoàn cảnh xuất hiện của nhân vật. **3. Củng cố dặn dò.** - GV nhận xét giờ học và dặn HS chuẩn bị bài sau.	- HS đọc kĩ đề bài. - HS làm bài tập. - HS chia sẻ kết quả trước lớp ***Lời giải:*** - Đoạn mở bài 1 : Mở bài trực tiếp (giới thiệu luôn người em sẽ tả). - Đoạn mở bài 2 : Mở bài gián tiếp (giới thiệu chung sau mới giới thiệu người em tả.) ***Ví dụ:*** (Đề bài 2) a) "Bé bé bằng bông, hai má hồng hồng…". Đó là tiếng hát ngọng nghịu của bé Hương con cô Hạnh cùng dãy nhà tập thể với gia đình em. b) Dường như ngày nào cũng vậy, sau khi học xong, phụ giúp mẹ bữa cơm chiều thì tiếng trẻ bi bô ở cuối nhà tập thể vọng lại làm cho em nao nao trong người. Đó là tiếng của bé Hương , cô con gái đầu lòng của cô Hạnh cùng cơ quan với mẹ em. -HS lắng nghe và thực hiện.

Ký duyệt: **Giáo viên thực hiện:**